



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2018**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 04/2019**

## MỤC LỤC

	Trang
<b>I. Thông tin chung</b> .....	2
1. <i>Thông tin khái quát</i> .....	2
2. <i>Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:</i> .....	3
3. <i>Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý</i> .....	3
4. <i>Định hướng phát triển</i> .....	3
5. <i>Các rủi ro:</i> .....	4
<b>II. Tình hình hoạt động trong năm</b> .....	5
1. <i>Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:</i> .....	5
2. <i>Tổ chức và nhân sự:</i> .....	5
3. <i>Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:</i> .....	7
4. <i>Tình hình tài chính:</i> .....	8
5. <i>Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:</i> .....	9
6. <i>Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty</i> .....	11
<b>III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc</b> .....	14
1. <i>Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</i> .....	14
2. <i>Tình hình tài chính</i> .....	17
3. <i>Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.</i> .....	18
4. <i>Kế hoạch phát triển trong tương lai</i> .....	19
5. <i>Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán. Không có.</i> .....	21
6. <i>Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty</i> .....	21
<b>IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.</b> .....	22
1. <i>Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.</i> .....	22
2. <i>Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty</i> .....	25
3. <i>Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị</i> .....	26
<b>V. Quản trị Công ty</b> .....	27
1. <i>Hội đồng quản trị</i> .....	27
2. <i>Ban Kiểm soát</i> .....	33
3. <i>Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát</i> .....	36
<b>VI. Báo cáo tài chính</b> .....	38
1. <i>Ý kiến kiểm toán</i> .....	38
2. <i>Báo cáo tài chính được kiểm toán (Đính kèm).</i> .....	40

---

---

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI Năm 2018

### I. Thông tin chung

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ Phần Cát Lợi.
- Công ty đang hoạt động theo giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/04/2018 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004) với mã số doanh nghiệp là 0303185504.
- Vốn điều lệ: 262.075.830.000 VND.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 262.075.830.000 VND.
- Địa chỉ: 934 D2, Đường D, Khu CN Cát Lái,  
P. Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Tp.HCM.
- Số điện thoại: 028.37421118
- Số fax: 028.37420923
- Website: [www.catloi.com.vn](http://www.catloi.com.vn)
- Mã cổ phiếu (nếu có): CLC

#### Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty Cổ phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp in bao bì và phụ liệu thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty chính thức đi vào hoạt động với mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2004 theo giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103002106 ngày 19 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 vào ngày 13/04/2018 với mã số doanh nghiệp là 0303185504.
- Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCK-GPNY ngày 18 tháng 10 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và cổ phiếu được giao dịch chính thức kể từ ngày 16/11/2006 đến nay.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh: In bao bì, sản xuất cây đầu lọc và phụ liệu thuốc lá.
- Địa bàn kinh doanh: Công ty cung cấp sản phẩm cho tất cả các Công ty sản xuất thuốc lá điếu trong cả nước từ Bắc tới Nam.

## **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

### **a. Mô hình quản trị:**

Công ty thực hiện mô hình quản trị của một Công ty đại chúng niêm yết chứng khoán theo quy định Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán bao gồm:

- Các cổ đông Công ty.
- Hội đồng quản trị.
- Ban Kiểm soát.
- Ban Giám đốc.
- Ban Kiểm soát nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.
- Các cán bộ quản lý.

### **b. Cơ cấu bộ máy quản lý:**

- Ban Giám đốc.
- Phòng Tổ chức hành chính.
- Phòng Tài chính kế toán.
- Phòng Kế hoạch vật tư.
- Phòng Tiêu thụ - Thị trường.
- Phòng Kỹ thuật.
- Kho.
- Phân Xưởng in.
- Phân Xưởng Cây đầu lọc.

### **c. Các Công ty con, Công ty liên kết: Không có.**

## **4. Định hướng phát triển**

### **a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.**

- Phát triển bền vững, giữ vững là Công ty hàng đầu trong nước về lĩnh vực sản xuất và cung cấp phụ liệu thuốc lá như nhãn in, giấy sếp, cây đầu lọc;
- Sử dụng hiệu quả nguồn lực của Công ty;

- Nâng cao giá trị của Công ty, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và thu nhập của cán bộ công nhân viên Công ty hàng năm tăng trưởng;
- Sản phẩm của Công ty luôn có ưu thế cạnh tranh, được khách hàng ưa chuộng, tin tưởng và sử dụng.

**b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.**

- Tái cấu trúc nguồn lực phù hợp với từng giai đoạn phát triển để đạt mục tiêu đề ra;
- Phát triển gắn liền với quản trị rủi ro;
- Tiếp tục tái đầu tư thiết bị công nghệ mới nhất nhằm giảm sự tác hại của thuốc lá đến sức khỏe người tiêu dùng như các thiết bị đục lỗ giấy sếp, thiết bị sản xuất đầu lọc than hoạt tính, thiết bị in nhiều màu để in cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh trên bao bì... Các thiết bị này sẽ được Công ty xem xét và phân kỳ đầu tư nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường;
- Lựa chọn các biện pháp huy động vốn phù hợp với nhu cầu vốn cho mục tiêu phát triển của từng giai đoạn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn;
- Nghiên cứu từng bước để mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh dưới các hình thức như mua bán, sát nhập doanh nghiệp, liên doanh, hợp tác đầu tư, thành lập thêm các Công ty con tại các vùng miền khác nhau để phát triển.

**c. Các mục tiêu phát triển bền vững.**

- Sản phẩm của Công ty được các cơ quan kiểm định quốc tế chứng nhận đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và sức khỏe cộng đồng.
- Tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường; tiêu chuẩn vệ sinh an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp.
- Tham gia các chương trình hỗ trợ, đóng góp tài chính cho các hoạt động xã hội, gắn kết sự thành công của Công ty và sự chia sẻ với xã hội, cộng đồng.

**5. Các rủi ro:**

- Nguyên liệu sản xuất của Công ty chủ yếu là hàng nhập khẩu vì thế cần một số lượng ngoại tệ lớn để thanh toán cho nhà cung cấp. Sự biến động về tỷ giá ngoại tệ tăng cũng như sự khan hiếm ngoại tệ (nếu có) sẽ ảnh hưởng làm giảm lợi nhuận của Công ty;
- Luật phòng chống tác hại của thuốc lá cùng các chính sách của Nhà nước không khuyến khích sử dụng thuốc lá cũng ảnh hưởng tới sản lượng thuốc

của các nhà máy sản xuất thuốc điều và gián tiếp ảnh hưởng đến sản lượng sản phẩm sản xuất của Công ty.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

*Đơn vị tính: triệu đồng.*

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So sánh (%)	
				TH-2018/ TH-2017	TH-2018/ KH-2018
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, TNTC, TN khác)	1.836.500	1.800.000	2.083.007	113,42	115,72
2. Lợi nhuận trước thuế	134.978	130.000	187.120	138,63	143,94
3. Lợi nhuận sau thuế	106.240	104.000	148.538	139,81	142,83

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 đạt kết quả như sau: Tổng doanh thu năm 2018 đạt 2.083 tỷ đồng tương ứng 115,72% so với kế hoạch năm và đạt 113,42% so với năm trước, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 148,54 tỷ đồng tương ứng 142,83% so với kế hoạch năm và đạt 139,81% so với năm trước.

### 2. Tổ chức và nhân sự:

#### a. Danh sách Ban điều hành:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Ông Bùi Tấn Hòa	
+ Giới tính :	Nam
+ Ngày tháng năm sinh :	26/04/1971
+ Nơi sinh :	TP. Hồ Chí Minh
+ Quốc tịch :	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn :	Kỹ sư Cơ khí
+ Chức vụ công tác tại Công ty :	Giám đốc, Ủy viên Hội đồng quản trị
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác :	Không.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	27.931 CP, chiếm 0,11% vốn điều lệ.

<p>2. Ông Nguyễn Đức Hanh</p> <p>+ Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :</p>	<p>Nam</p> <p>01/01/1974</p> <p>TP. Hồ Chí Minh</p> <p>Việt Nam</p> <p>Kỹ sư Chế tạo máy</p> <p>Phó Giám đốc</p> <p>Không</p> <p>22.830 CP, chiếm 0,09% vốn điều lệ.</p>
<p>3. Ông Nguyễn Hoàng Minh</p> <p>+ Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :</p>	<p>Nam</p> <p>12/10/1980</p> <p>TP. Hồ Chí Minh</p> <p>Việt Nam</p> <p>Cử nhân Kinh tế</p> <p>Phó Giám đốc</p> <p>Không</p> <p>6.710 CP, chiếm 0,03% vốn điều lệ.</p>
<p>4. Ông Liêu Phước Tính</p> <p>+ Giới tính : + Ngày tháng năm sinh : + Nơi sinh : + Quốc tịch : + Trình độ chuyên môn : + Chức vụ công tác tại Công ty : + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :</p>	<p>Nam</p> <p>20/10/1985</p> <p>Trà Vinh</p> <p>Việt Nam</p> <p>Cử nhân Kinh tế</p> <p>Kế toán trưởng</p> <p>Không</p> <p>3.939 CP, chiếm 0,02% vốn điều lệ.</p>

**b. Những thay đổi trong ban điều hành: Không có**

**c. Số lượng cán bộ, nhân viên.**

Cơ cấu CBCNV	Số lượng CBCNV tại 31/12/2018 (người)
1. Trên đại học (Thạc sĩ)	1
2. Đại học	67
3. Cao đẳng	18
4. Trung cấp	46
5. Trung học dạy nghề	75
6. Lao động phổ thông	106
<b>Tổng cộng :</b>	<b>313</b>

- Công ty đã áp dụng quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng để thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với Công ty, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động để giảm bớt giờ làm đem lại hiệu quả cao. Việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian qui định, mỗi tháng 2 kỳ vào đầu mỗi tháng và giữa mỗi tháng.

- Các chính sách về tiền thưởng như thưởng nhân dịp lễ, tết, thưởng thi đua, thưởng tháng 13, thưởng sáng kiến, thưởng tiết kiệm, thưởng động viên sản xuất... được Công ty thực hiện đầy đủ nhằm khuyến khích người lao động.

- Các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động, đào tạo được Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, các trang thiết bị an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng.

### ***3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:***

#### **a. Các khoản đầu tư lớn:**

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện công tác đầu tư trang bị máy móc thiết bị, cải tạo cơ sở vật chất phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh như sau:

- Thực hiện đúng tiến độ công tác đầu tư trang bị máy sản xuất cây đầu lọc tích hợp module than hoạt tính và capsule, tiếp nhận thiết bị và sẽ tiến hành lắp đặt trong quý đầu năm 2019, kịp thời bổ sung năng lực sản xuất.

- Đối với công tác đầu tư trang bị cụm thiết bị sản xuất và ghép nối cây đầu lọc: sẽ tiếp nhận, lắp đặt và đưa vào vận hành khai thác trong quý đầu năm 2019.

Nhìn chung Công ty đã thực hiện các công trình đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, máy móc, thiết bị theo đúng tiến độ được HĐQT phê duyệt và tuân thủ các quy định của pháp luật, nhằm đưa vào phục vụ sản xuất để bắt kịp nhu cầu thị trường trong việc phát triển sản phẩm cao cấp, góp phần tích cực vào kết quả sản xuất kinh doanh.

#### **b. Các Công ty con, Công ty liên kết: Không có.**



**4. Tình hình tài chính:**

**a. Tình hình tài chính**

Đơn vị tính: đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	775.687.842.641	1.013.585.972.356	30,7
Doanh thu thuần	1.833.515.150.773	2.070.206.467.310	12,9
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	133.673.231.978	186.739.929.531	39,7
Lợi nhuận khác	1.304.948.064	380.043.182	-70,9
Lợi nhuận trước thuế	134.978.180.042	187.119.972.713	38,6
Lợi nhuận sau thuế	106.240.486.609	148.537.916.615	39,8
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	49,34%	52,93%	7,3

(\*) Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức: Cổ tức thực hiện 2017 là 20%/vốn điều lệ chiếm 49,34% lợi nhuận sau thuế, năm 2018 dự kiến trả cổ tức là 30%/vốn điều lệ chiếm 52,93% lợi nhuận sau thuế.

**b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu		Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Mã số 100/310) Bảng cân đối kế toán	Lần	2,08	2,51	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Mã số (100-140)/310) Bảng cân đối kế toán	"	0,55	1,32	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				
+ Hệ số nợ ngắn hạn/Tổng tài sản	%	42,5	37,18	
+ Hệ số nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	"	73,91	59,18	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	3,26	3,70	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,36	2,04	

<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,79	7,18	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	"	23,82	23,33	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	"	13,70	14,65	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	"	7,29	9,02	

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (khả năng thanh toán hiện hành) của Công ty tăng so với năm trước đạt 2,51 lần (năm trước là 2,08 lần) cho thấy Công ty đã cải thiện thêm về mức độ an toàn tài chính đối với hoạt động của Công ty.

- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần năm 2018 đạt 9,02%.

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

**a. Cổ phần tại 31/12/2018:**

- Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 26.207.583 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu phổ thông: 26.207.583 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu ưu đãi, khác: -
- + Cổ phiếu được chuyển nhượng tự do: 26.130.766 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 76.817 cổ phiếu.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**b. Cơ cấu cổ đông:**

- Thông tin chung về cơ cấu cổ đông tại 20/11/2018:

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I.</b>	<b>Trong nước</b>	<b><u>590</u></b>	<b><u>25.017.702</u></b>	<b><u>95,46%</u></b>
1	Cổ đông lớn (> 5%)	2	15.038.620	57,38%
2	Công đoàn	1	7.177	0,03%
3	Cổ đông khác	587	9.971.905	38,05%
	HĐQT, BGD, BKS	7	109.148	0,42%
	Cá nhân	552	8.670.318	33,08%
	Tổ chức trong nước	28	1.192.439	4,55%
<b>II.</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b><u>61</u></b>	<b><u>1.189.881</u></b>	<b><u>4,54%</u></b>
1	Cá nhân	47	306.686	1,17%
2	Tổ chức	14	883.195	3,37%
	<b><u>Tổng cộng</u></b>	<b><u>651</u></b>	<b><u>26.207.583</u></b>	<b><u>100%</u></b>

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	83A Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	13.366.080	51,00%
2	Cty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	Khu CN Vĩnh Lộc, Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, HCM	1.672.540	6,38%
	<b><u>Tổng cộng</u></b>		<b><u>15.038.620</u></b>	<b><u>57,38%</u></b>



**c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2018 có sự thay đổi từ việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 số 678/NQ-CPCL ngày 26 tháng 10 năm 2017 với kết quả như sau:

STT	Nội dung	Thông tin
1	Số lượng Cổ phiếu đã phân phối:	13.103.753 cổ phiếu
	+ Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	6.551.838 cổ phiếu
	+ Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	6.551.915 cổ phiếu
2	Cổ phiếu lẻ	77 cổ phiếu
3	Hình thức xử lý cổ phiếu lẻ	Hủy bỏ
4	Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán	131.038.300.000 đồng
5	Vốn điều lệ trước phát hành	131.038.300.000 đồng
6	Vốn điều lệ sau phát hành	262.075.830.000 đồng
7	Chi phí phát hành	671.750.000 đồng
8	Số tiền ròng thu được	130.366.550.000 đồng

**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.**

**e. Các chứng khoán khác: Không có.**

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**

**6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

**a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.**

- Trong năm 2018 Công ty sử dụng 29.285 tấn nguyên vật liệu chính để đưa vào sản xuất, trong đó: giấy các loại 17.458 tấn; Sợi tow các loại 7.750 tấn; mực các loại 483 tấn; và các nguyên vật liệu chính khác 3.594 tấn.

**b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có**

**6.2. Tiêu thụ năng lượng:**

**a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.**

- Công ty sử dụng hệ thống điện lưới quốc gia, có trang bị máy phát điện chạy bằng dầu diesel dự phòng khi cúp điện và sử dụng dầu diesel cho một

số xe nâng hàng với điện năng tiêu thụ năm 2018 là 9.163.480 kwh và dầu diesel 29.200 lít.

**b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.**

- Trong năm 2018 Công ty tiết kiệm được 112.500 kwh điện năng.

**c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng; báo cáo kết quả của các sáng kiến này.**

<b>Giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã thực hiện trong năm 2018</b>	
<i>Nội dung giải pháp</i>	<i>Kết quả tiết kiệm (KW/năm)</i>
Thay thế bóng đèn cao áp 400W bằng đèn LED 135W tiết kiệm năng lượng	33.660
Sử dụng bóng đèn LED 100W tiết kiệm năng lượng	78.840
<b>Tổng Cộng</b>	<b>112.500</b>

**6.3. Tiêu thụ nước:**

**a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.**

- Công ty sử dụng nguồn nước thủy cục được cung cấp bởi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2.

- Lượng nước trong năm 2018 Công ty đã sử dụng là 20.504 m<sup>3</sup>.

**b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng. 0%.**

**6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

**a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không lần.**

**b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không đồng.**

**6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**

**a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.**

- Số lượng lao động của Công ty tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 là 313 người với mức lương vị trí công việc trung bình trong năm 2018 đạt 12.022.901 đồng/người/tháng.

**b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.**

- Với quan điểm nhân lực là một yếu tố vô cùng quan trọng quyết định sự thành công của Công ty, vì vậy Công ty liên tục thực hiện các giải pháp để cải thiện môi trường làm việc nhằm bảo đảm an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động của Công ty.

- Thực hiện đầy đủ chính sách phúc lợi cho người lao động như: Lương, thưởng, trợ cấp ốm đau, thai sản, hiếu, hỉ. Đóng các loại bảo hiểm theo luật định; mua bảo hiểm tai nạn 24/24; khám sức khỏe định kỳ; tổ chức bữa ăn giữa ca; chăm lo các chế độ bồi dưỡng bổ sung, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

- Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007 sau thời gian đưa vào vận hành được đánh giá là phù hợp bởi được Tổ chức DNV GL sau đợt đánh giá giám sát Lần 1 vào tháng 7/2018.

**c. Hoạt động đào tạo người lao động**

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Trong năm 2018 Công ty thực hiện đào tạo tại đơn vị và bên ngoài đơn vị với tổng số giờ đào tạo bên ngoài là 7.577 giờ /năm, trung bình thời gian đào tạo dành cho một người là 24,3 giờ. Đối tượng đào tạo gồm Cán bộ quản lý, chuyên viên, nhân viên và lao động phổ thông.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Việc đào tạo kỹ năng, chuyên môn cho người lao động được Công ty thực hiện thường xuyên trong năm, phù hợp với yêu cầu vị trí công tác của người lao động.

**6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.**

- Cũng như hàng năm, Công ty luôn có những chương trình hỗ trợ, đóng góp tài chính cho các hoạt động xã hội, gắn kết sự thành công của Công ty và sự chia sẻ với xã hội.

- Năm 2018, Công ty đã đóng góp 844 triệu đồng, cho các hoạt động xã hội gồm:

✦ Kết hợp với khách hàng là các Công ty sản xuất thuốc lá, ủng hộ xây nhà tình nghĩa, xây dựng các công trình phúc lợi xã hội, cầu, đường giao thông

tại vùng nông thôn, tài trợ phần thưởng cho các học sinh dân tộc thiểu số: 584 triệu đồng.

- ✦ Kết hợp với Hội bảo trợ bệnh nhân nghèo Thành phố Hồ Chí Minh, ủng hộ chương trình đem lại ánh sáng cho người nghèo bị đục thủy tinh thể: 200 triệu đồng.
- ✦ Kết hợp với địa phương, ủng hộ các bếp ăn từ thiện của các bệnh viện, chăm lo tết cho các hộ gia đình nghèo: 60 triệu đồng.
- ✦ Tham gia ủng hộ các ngày lương cho quỹ phòng chống thiên tai, lũ lụt và ủng hộ đồng bào vùng bị thiên tai, bão lũ.

**6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có**

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

*Đơn vị tính: triệu đồng.*

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So sánh (%)	
				TH-2018/ TH-2017	TH-2018/ KH-2018
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, TNTC, TN khác)	1.836.500	1.800.000	2.083.007	113,42	115,72
2. Lợi nhuận trước thuế	134.978	130.000	187.120	138,63	143,94
3. Lợi nhuận sau thuế	106.240	104.000	148.538	139,81	142,83
4. Sản lượng tiêu thụ					
+ Cây đầu lọc (Tr.Cây)	16.395	16.000	19.220	117,23	120,13
+ Giấy sếp (Tấn)	2.048	2.000	2.137	104,35	106,85
+ Nhãn in (Tr.Tờ)	1.924	1.900	2.205	114,60	116,05

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 đạt kết quả như sau: Tổng doanh thu năm 2018 đạt 2.083 tỷ đồng tương ứng đạt 115,72% so với kế hoạch năm và đạt 113,42% so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt

148,54 tỷ đồng tương ứng 142,83% so với kế hoạch năm và đạt 139,81% so với năm trước.

- Tình hình tiêu thụ của các khách hàng của Công ty trong năm 2018 duy trì ổn định và phát triển. Có được điều này do trong năm vừa qua chính phủ đã tăng cường công tác chống buôn lậu thuốc lá đã giữ vững thị phần cho những sản phẩm nội tiêu trong nước, đồng thời các Công ty thuốc lá điều cũng tích cực khai thác thị trường, phát triển nhiều sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu khách hàng.

- Các đơn vị thuốc lá duy trì sản lượng tốt trong năm 2018, đặc biệt trong giai đoạn cuối năm có sự tăng trưởng mạnh đã tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sản lượng tiêu thụ ở cả ba nhóm sản phẩm chính của Công ty gồm cây đầu lọc, nhãn in và giấy sếp đều có sự tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm trước.

- Trong năm 2018, Công ty đã chủ động điều chỉnh giảm giá bán sản phẩm cây đầu lọc khi giá nguyên liệu trên thị trường giảm nhằm chia sẻ với khách hàng.

- Việt Nam là thị trường xuất khẩu thuốc lá tương đối lớn, tuy nhiên các Công ty thuốc lá trong nước chưa trực tiếp triển khai mạng lưới phân phối ngoài lãnh thổ Việt Nam và phụ thuộc vào các đối tác nước ngoài. Vì vậy, thị trường mục tiêu mà Công ty đang và tiếp tục hướng đến trong tương lai vẫn là nhóm hàng tiêu thụ nội địa, bên cạnh đó, vẫn nỗ lực đáp ứng yêu cầu khách hàng trong lĩnh vực xuất khẩu thuốc lá điều.

- Cát Lợi là đơn vị hàng đầu trong nước, cung cấp cho ngành công nghiệp thuốc lá Việt Nam các sản phẩm bao bì, giấy sếp và cây đầu lọc, có mối quan hệ thương mại với hầu hết các nhà máy sản xuất thuốc lá trong nước. Công ty cũng đã chuẩn bị nguồn lực về máy móc, thiết bị, chấp nhận sự cạnh tranh từ các công ty tư nhân, công ty nước ngoài ... đáp ứng xu hướng phát triển sản phẩm của ngành thuốc lá trong những năm qua cũng như trong thời gian tới.

- Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm có những thuận lợi và khó khăn sau:

#### **✦ Thuận Lợi:**

- Năm 2018, tỷ giá USD thị trường biến động tăng khoảng 3% vào những quý cuối năm nhưng nằm trong phạm vi dự tính của Công ty. Lãi suất ngân hàng trong suốt năm qua duy trì ổn định, tăng nhưng không nhiều, đã tạo thuận lợi cho Công ty rất nhiều trong việc kiểm soát phát sinh chi phí tài chính.



Các yếu tố trên đã góp phần tích cực trong việc sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công tác điều phối vật tư trong năm được thực hiện khá tốt, hàng hóa vật tư nhập khẩu được điều tiết nhập về đúng tiến độ về đúng theo tiến độ, đảm bảo nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.

- Việc đầu tư máy móc, thiết bị mới của Công ty đã hoàn thành đúng tiến độ dự kiến, nguồn lực nhân sự của Công ty cũng đã được chuẩn bị rất tốt, đảm bảo vận hành khai thác hiệu quả máy móc thiết bị hiện có, đáp ứng cho thị trường thuốc lá điều ngày càng đa dạng và phong phú.

- Giá nguyên liệu Tow sản xuất sản phẩm cây đầu lọc trong năm giảm so với những năm trước tạo điều kiện cho Công ty giảm giá bán đầu ra, đây là yếu tố rất kịp thời nhằm chia sẻ thuận lợi đối với các đơn vị khách hàng.

- Với lợi thế về mặt chất lượng sản phẩm cũng như giá thành ổn định, Công ty đã triển khai được khá nhiều sản phẩm mới cho nhiều đơn vị khách hàng; với số lượng đặt hàng của những mặt hàng mới cùng với sự duy trì của những mặt hàng đang sản xuất đã giữ cho sản lượng của Công ty luôn ở mức ổn định và tăng trưởng.

#### **⚡ Khó khăn:**

- Khó khăn nhất trong năm 2018 là nguồn nguyên liệu giấy có nhiều biến động do tình hình chung của thế giới, giá giấy nguyên liệu trên thị trường tăng từ đầu năm, đã tác động không nhỏ đến kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng như tình hình nhập khẩu hàng hóa của Công ty. Tình hình nguyên liệu trên thị trường đang tiếp tục biến động sẽ là thách thức không nhỏ đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

- Số lượng chủng loại mẫu mã sản phẩm tăng đã gây một số khó khăn cho công tác bố trí, điều phối sản xuất và chủng loại vật tư tồn kho cũng tăng tương ứng. Bên cạnh đó, tình hình sản xuất liên tục trong năm cùng với việc cải tạo nhà xưởng, mở rộng cho việc lắp đặt các thiết bị mới đã làm công tác bảo trì, bảo dưỡng gặp khó khăn.

- Sự cạnh tranh từ những nhà cung cấp khác trên thị trường, bao gồm cả các Công ty trong nước và Công ty nước ngoài đầu tư tại Việt Nam; đặc biệt đối với mặt hàng nhãn in và giấy sấp trong năm qua không những là khó khăn trước mắt mà sẽ là khó khăn liên tục trong thời gian tới. Tuy nhiên, đây cũng là động lực để Công ty không ngừng phấn đấu và phát triển.

**2. Tình hình tài chính**

**a) Tình hình tài sản**

*Đơn vị tính: triệu đồng.*

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>944.800</b>	<b>684.460</b>	<b>260.340</b>	<b>38,04</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110.829	12.398	98.431	793,93
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	382.276	168.631	213.645	126,69
IV. Hàng tồn kho	448.188	501.599	(53.411)	(10,65)
V. Tài sản ngắn hạn khác	3.507	1.832	1.675	91,43
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>68.786</b>	<b>91.228</b>	<b>(22.442)</b>	<b>(24,60)</b>
I- Các khoản phải thu dài hạn	3.320	3.320	-	-
II. Tài sản cố định	41.269	74.468	(33.199)	(44,58)
III. Tài sản dở dang dài hạn	10.797	40	10.757	26.892,50
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13.400	13.400	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>1.013.586</b>	<b>775.688</b>	<b>237.898</b>	<b>30,67</b>

Tổng tài sản cuối năm so với đầu năm tăng 30,67% tương ứng 237,9 tỷ chủ yếu là do:

- Tài sản ngắn hạn tăng 38,04% tương ứng 260,3 tỷ chủ yếu do:
- + Tiền và tương đương tiền tăng 793,93% tương ứng 98,43 tỷ do việc dự trữ tiền để giải ngân các dự án đầu tư TSCĐ.
- + Khoản phải thu ngắn hạn tăng 126,69% tương ứng 213,65 tỷ chủ yếu do thời điểm cuối năm Công ty đẩy mạnh bán hàng.
- + Tài sản ngắn hạn khác tăng 91,43% tương đương 1,68 tỷ chủ yếu do trả trước tiền thuê máy đục lỗ giấy sập.
- + Hàng tồn kho giảm 10,65% tương ứng 53,41 tỷ do cân đối dự trữ hàng tồn kho phục vụ cho sản xuất.

- Tài sản dài hạn giảm 24,6% tương ứng 22,44 tỷ chủ yếu do:
- + Tài sản cố định giảm 44,58% tương ứng 33,2 tỷ do chênh lệch giữa khấu hao và tăng TSCĐ trong năm.
- + Tài sản dở dang dài hạn tăng 26.892,49% tương ứng 10,76 tỷ do Công ty đang thực hiện dự án đầu tư TSCĐ.

**b) Tình hình nợ phải trả, nguồn vốn**
*Đơn vị tính: triệu đồng.*

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>376.850</b>	<b>329.658</b>	<b>47.192</b>	<b>14,32</b>
I. Nợ ngắn hạn	376.850	329.658	47.192	14,32
II. Nợ dài hạn	-	-	-	
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>636.736</b>	<b>446.030</b>	<b>190.706</b>	<b>42,76</b>
I. Vốn chủ sở hữu	636.736	446.030	190.706	42,76
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>1.013.586</b>	<b>775.688</b>	<b>237.898</b>	<b>30,67</b>

- Nợ phải trả của Công ty cuối năm tăng 14,32% tương ứng 47,19 tỷ chủ yếu do:
  - + Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 59,75% tương ứng 9,22 tỷ.
  - + Phải trả người bán tăng 52,84% tương ứng 42,11 tỷ do các khoản nợ mua vật tư chưa đến hạn thanh toán.
  - + Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm 2,88% tương ứng 6,06 tỷ do Công ty phát hành cổ phiếu.
  - + Các khoản phải trả phải nộp khác tăng 7,89% tương ứng 1,92 tỷ.
- Vốn chủ sở hữu tăng 42,76% tương ứng 190,71 tỷ chủ yếu do việc tăng vốn điều lệ từ đợt phát hành chào bán cổ phiếu, cùng với việc phân phối lợi nhuận năm 2017 và lợi nhuận sau thuế năm 2018 tăng 39,81% tương ứng 42,30 tỷ so với năm 2017.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

- Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức như đào tạo, tuyển dụng, bổ nhiệm các vị trí quản lý bộ phận.
- Áp dụng hệ thống quản trị nhân sự tiền lương và dự toán ngân sách trong Công ty.
- Tiếp tục duy trì, bổ sung hoàn thiện hệ thống ISO để quản lý sản xuất.

- Duy trì, cập nhật hệ thống An toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001:2007.

- Ứng dụng phần mềm ERP trong hoạch định nguồn lực.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- Sự cạnh tranh quyết liệt từ các công ty tư nhân, các đơn vị có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày càng nhiều. Giá nguyên liệu tiếp tục tăng theo sự hồi phục của kinh tế thế giới sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt của thuốc lá điều tăng 5% từ 01/01/2019, điều này sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD 2019 của Công ty.

- Kế hoạch dự kiến Công ty xây dựng cho năm 2019 được xây dựng trên cơ sở căn cứ vào tình hình thị trường trong thời gian qua và xu hướng tiêu thụ trong thời gian sắp tới của từng mặt hàng cụ thể. Mặc dù tình hình tiêu thụ thuốc nội tiêu đã có những chuyển biến tích cực trong năm qua nhưng dự kiến sẽ có nhiều biến động trong năm 2019, tác động trực tiếp tới sản lượng tiêu thụ các sản phẩm phụ liệu của Công ty trong thời gian tới. Với diễn biến của thị trường như trên, Công ty xây dựng sản lượng kế hoạch năm 2019 giảm so với thực hiện 2018; do vậy, doanh thu và lợi nhuận trong năm 2019 sẽ giảm theo tương ứng.

- Hiện tại cho thấy sẽ có nhiều yếu tố thúc đẩy phát triển kinh tế Việt Nam trong năm 2019 như thực hiện tốt vai trò thành viên các hiệp định thương mại tự do mới, đặc biệt là cơ hội hội nhập mới của hiệp định CPTPP có hiệu lực từ tháng 01/2019, tiếp tục được hưởng lợi nhờ triển vọng lạc quan về tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu và các yếu tố tích cực nội tại. Tuy nhiên, thách thức cũng sẽ là rất lớn do tác động của cạnh tranh thương mại giữa các cường quốc, bất ổn định chính trị một số khu vực và tình hình chung của nền kinh tế thế giới cũng như thách thức trực tiếp từ tình hình giá dầu thế giới, biến động ngoại tệ... khi mà đa số vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất của Công ty là hàng nhập khẩu do trong nước chưa sản xuất được.

- Công ty sẽ tập trung vào công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu của khách hàng và ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất để nâng cao năng lực cạnh tranh, đồng thời chủ động đầu tư trang bị máy móc thiết bị để nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Căn cứ vào kết quả thực hiện SXKD năm 2018, năng suất khai thác hiện tại, xu hướng phát triển sản phẩm cùng những chuyển biến của thị trường

như những yếu tố ở trên, Công ty dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 như sau :

<i>Stt</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đvt</i>	<i>Kế hoạch 2019</i>
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	<b>1.870.000</b>
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	<b>150.000</b>
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	<b>120.000</b>
4	Nộp ngân sách (thuế VAT+TNDN)	Triệu đồng	<b>128.100</b>
5	Sản lượng :		
	Sản xuất và tiêu thụ		
	- Cây đầu lọc ( <i>quy đổi</i> )	Triệu cây	17.220
	- Giấy sếp các loại	Tấn	2.000
	- Nhãn in ( <i>quy đổi</i> )	Triệu tờ	2.030

Cơ sở xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019:

Công ty luôn theo sát diễn biến thị trường, kịp thời đưa ra phương pháp giải quyết tối ưu nhất trong công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh:

- Sản phẩm của Công ty chủ yếu tập trung vào thị trường trong nước, xây dựng hình ảnh của Công ty đối với khách hàng, nỗ lực giữ vững thị phần hiện có, không ngừng khai thác mở rộng những thị phần có tiềm năng phát triển; tích cực đẩy mạnh công tác thị trường, thực hiện chương trình chăm sóc khách hàng tốt, chính sách giá linh hoạt .... nhằm hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Công ty đã xây dựng kế hoạch nguyên liệu cho năm 2019, chủ động tìm nguồn cung cấp nguyên vật liệu có chất lượng phù hợp và giá cả ổn định, cạnh tranh. Tỷ giá ngoại tệ USD, EUR cũng sẽ là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty vì phần lớn nguyên vật liệu sản xuất của Công ty đều phải nhập khẩu.

- Kế hoạch nghiên cứu khoa học kỹ thuật trong năm 2019 tập trung nâng cao công nghệ chuyên sâu trong việc khai thác những sản phẩm mới theo xu hướng sản phẩm cao cấp như giấy sếp nhiều màu ép nhũ, cây đầu lọc thông capsule, than hoạt tính, các hiệu ứng mới trên sản phẩm in.... Kịp thời đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng sức cạnh tranh của Công ty.

- Luôn theo dõi chặt chẽ, cập nhật và kịp thời có sự điều chỉnh khi một số hiệp định thương mại giữa Việt Nam và các nước có hiệu lực dẫn đến chính sách thuế nhập khẩu có sự thay đổi.
- Theo dõi tiến độ đầu tư các thiết bị mới, cải tiến, bảo dưỡng nâng cấp máy móc thiết bị hiện có nhằm duy trì và bổ sung năng lực sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư.
- Tiếp tục từng bước hoàn chỉnh bộ máy quản lý điều hành, chuẩn bị nguồn nhân lực kế thừa đáp ứng nhu cầu công việc và hướng phát triển của Công ty; tiếp tục hoàn thiện các qui chế, qui định nội bộ, đẩy mạnh công tác đào tạo. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thông qua hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ.
- Thực hiện chính sách lương, thưởng xứng đáng, khuyến khích phong trào thi đua sáng kiến trong sản xuất nhằm khai thác hiệu quả máy móc - thiết bị, giảm tiêu hao vật tư trong sản xuất để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Công tác sản xuất kinh doanh năm 2019 sẽ còn đối mặt với nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với sự chuẩn bị và những lợi thế nội tại, ban điều hành và toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty sẽ phấn đấu thực hiện kế hoạch 2019 ở mức cao nhất có thể, nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu SXKD Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị giao.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán. Không có.**

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

**a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.**

- Tình hình tiêu thụ nước ở mức thấp hơn năm trước (20.504 m<sup>3</sup> năm 2018 so với 35.724 m<sup>3</sup>/2017) do Công ty đã rà soát thay thế các đường ống nước cũ bị bể, rò rỉ. Công ty không sử dụng nước trong quá trình sản xuất, chỉ dùng cho mục đích sinh hoạt, tưới cây và PCCC, quy mô công ty không có sự thay đổi lớn.
- Tình hình sử dụng năng lượng hiệu quả hơn năm trước, gồm 2 loại: điện năng và dầu diesel.
- Các nguồn thải không độc, được giám sát định kỳ theo đúng chương trình quan trắc đã được phê duyệt.

**b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

- Thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng đảm bảo thu nhập cho người lao động. Đánh giá hiệu quả công việc qua việc thỏa thuận KPI của vị trí công việc.
- Môi trường làm việc của người lao động luôn được cải thiện ngày càng tốt hơn.

**c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

- Công ty luôn nhận thức trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương không chỉ là những hoạt động tài trợ tài chính mà còn là ý thức đảm bảo môi trường sống sạch và an toàn trên địa bàn.
- Với cộng đồng địa phương Công ty thực hiện đúng quy định về chất thải của pháp luật môi trường, không gây tiếng ồn cũng như nguồn nước thải đúng tiêu chuẩn quy định.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.**

**a. Về hoạt động sản xuất kinh doanh**

**↓ Thuận Lợi:**

- Trong năm 2018, nền kinh tế vĩ mô trong nước tiếp tục có sự ổn định và tăng trưởng, hỗ trợ sức mua gia tăng của người tiêu dùng. Thị trường toàn ngành thuốc lá Việt Nam cũng tiếp tục duy trì sự ổn định và tăng trưởng nhẹ, mặc dù sản lượng thuốc điếu xuất khẩu có xu hướng giảm, tuy nhiên đã được bù đắp bởi sự tăng trưởng của các sản phẩm thuốc nội tiêu.
- Các sản phẩm của Công ty cung cấp cho ngành công nghiệp thuốc lá có tính cạnh tranh cao, tiếp tục nhận được sự hỗ trợ, tin tưởng của khách hàng.
- Lãi suất tiền vay được duy trì ổn định ở mức vừa phải, tỷ giá ngoại tệ biến động tăng khoảng 3% trong mức độ dự báo, đảm bảo cho việc cung cấp nguyên liệu nhập khẩu ổn định.
- Điểm sáng trong hoạt động năm 2018 của Công ty là phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 262 tỷ đồng thành công và có thặng dư vốn, bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm bớt số dư nợ vay Ngân hàng, giảm chi phí tài chính cho Công ty.

**↓ Khó khăn:**

- Sản phẩm của công ty ngày càng có sự cạnh tranh quyết liệt từ các doanh nghiệp cung cấp vật tư phụ liệu cho ngành công nghiệp thuốc lá;

- Yêu cầu của khách hàng về mẫu mã, chủng loại sản phẩm ngày càng đa dạng với tiêu chuẩn ngày càng cao;
- Do việc tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với thuốc lá điều kể từ 01/01/2019, đơn đặt hàng của khách hàng tăng mạnh trong quý 4/2018, vượt quá năng lực đáp ứng của công ty tại một số thời điểm, dự kiến sản lượng sản xuất quý 1/2019 của công ty sẽ giảm mạnh do khách hàng còn lượng hàng tồn kho khá lớn của năm trước chuyển sang, gây khó khăn cho việc điều phối sản xuất của công ty trong năm 2019.
- Nguyên vật liệu của công ty chủ yếu là nhập khẩu, nên giá cả chịu sự biến động nhu cầu của thị trường quốc tế, tỷ giá ngoại tệ. Giá giấy nguyên liệu nhập khẩu để in bao bì thuốc lá đã biến động mạnh theo chiều hướng tăng kể từ đầu năm đến giữa năm đã tăng từ 5% đến 10%.

Với những điều kiện thuận lợi và khó khăn trên, Hội đồng quản trị, cùng với Ban Giám đốc và người lao động Công ty, đã quyết tâm triển khai các biện pháp cụ thể về thị trường, chú trọng công tác quản lý sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo ưu thế cạnh tranh nên sản phẩm của Công ty tiếp tục nhận được sự hỗ trợ, tin tưởng của khách hàng. Do vậy, trong năm 2018, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

### **b. Tình hình phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ**

Hội đồng quản trị đã tích cực chỉ đạo Công ty tổ chức triển khai thực hiện phương án phát hành thêm cổ phiếu được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 thông qua ngày 26/10/2017, với kết quả:

- Ngày 30/01/2018: Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu, số lượng đã phát hành là: 6.551.838 cổ phiếu.
- Ngày 28/03/2018: Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, số lượng đã phát hành là: 6.551.915 cổ phiếu; giá phát hành: 20.000 đồng/cổ phiếu.

Như vậy, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo đúng phương án phát hành được ĐHĐCĐ phê duyệt, trong quý 1/2018. Vốn điều lệ mới của công ty được nâng lên 262 tỷ đồng và tổng số tiền thu từ đợt chào bán cổ phiếu là 131 tỷ đồng, được công ty sử dụng đúng theo mục đích phát hành.

### **c. Về hoạt động đầu tư và nguồn lực hỗ trợ**

Việc đầu tư thiết bị máy móc sản xuất luôn được Công ty xem xét phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của Công ty trung và dài hạn.



- Năm 2018, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư đã được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt cuối năm 2017, gồm:

- + Đầu tư 01 thiết bị sản xuất cây đầu lọc tích hợp than hoạt tính, Capsule.
- + Đầu tư 01 cụm thiết bị ghép nối và 01 máy sản xuất cây đầu lọc.

Các dự án đầu tư đã hoàn tất thủ tục đầu tư và ký hợp đồng với nhà thầu, dự kiến được lắp đặt đưa vào sử dụng từ quý 1/2019, đúng tiến độ được Hội đồng quản trị phê duyệt.

- Khoản đầu tư tài chính của Công ty tại Công ty CP chứng khoán Nhất Việt (VFS): HĐQT công ty đã có nghị quyết đồng ý chuyển nhượng toàn bộ 2.025.000 cổ phiếu VFS. Tính đến nay, Công ty đã chuyển nhượng được 685.000 cổ phiếu. Số còn lại là 1.340.000 cổ phiếu, Công ty tiếp tục tìm kiếm đối tác để hoàn tất việc chuyển nhượng.

Các dự án đầu tư của công ty được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt đều tuân thủ quy định của pháp luật và được thực hiện đúng tiến độ.

#### **d. Về tổ chức nhân sự và chế độ chính sách tiền lương**

- Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung đầy đủ nhân lực cho hoạt động.

- Công ty luôn chú trọng chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên đảm bảo công ăn việc làm đều đặn cho cán bộ công nhân viên chức. Chính sách lương thưởng đều được thực hiện đầy đủ theo quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị ban hành.

#### **e. Về công tác đoàn thể và xã hội**

- Công ty luôn chú trọng và khuyến khích các hoạt động của Công đoàn và đoàn thanh niên trong Công ty trong các hoạt động chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên; các phong trào thi đua; các phong trào thể thao, văn nghệ ...

- Công ty cũng dành một phần kinh phí tham gia chương trình hỗ trợ đóng góp các hoạt động xã hội như tặng nhà tình nghĩa, hỗ trợ người nghèo, xây dựng các công trình phúc lợi dân sinh tại các vùng sâu vùng xa có khó khăn... Kinh phí hỗ trợ đóng góp cho các hoạt động này trong năm khoảng 844 triệu đồng.

#### **f. Đối với môi trường:**

- Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường của nhà nước, chấp hành đầy đủ các quy định của các cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện việc quản lý chặt chẽ nguồn vật tư, nguyên liệu sản xuất không làm ảnh hưởng đến môi trường. Các phế liệu, phế phẩm, chất thải

trong quá trình sản xuất được Công ty phân loại theo quy định và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng, có chuyên môn phù hợp với từng loại chất thải để thu hồi và xử lý.

- Công ty luôn giám sát và thực hiện các giải pháp nhằm tiết kiệm tiêu thụ điện năng, tiết kiệm nước trong quá trình sản xuất kinh doanh.

#### **g. Về quan hệ cổ đông và nhà đầu tư**

- Phê chuẩn chương trình, tài liệu, tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;

- Thông qua việc đăng ký lưu ký và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.

- Quyết định trả cổ tức đợt cuối năm 2017 cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông;

- Quyết định tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 cho cổ đông;

- Công bố thông tin cho cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **h. Về tiềm năng sản phẩm của Công ty**

- Sản phẩm của Công ty mang tính đặc thù và tính công nghệ cao được các khách hàng tin tưởng sử dụng do chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt, giá cả cạnh tranh đồng thời Công ty rất chú trọng trong việc quản lý chất lượng sản phẩm.

- Thị trường sản phẩm của Công ty đảm bảo được sự ổn định, bền vững và tăng trưởng do thị phần sản phẩm nhãn in, giấy sáp, cây đầu lọc của Công ty chiếm tỷ trọng lớn tại thị trường trong nước. Công tác thị trường luôn được Công ty chú trọng.

- Nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm in của Công ty còn rất lớn vì thế mặt hàng sản phẩm in tiếp tục có sự tăng trưởng trong tương lai.

### **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

Hội đồng quản trị đánh giá cao về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty trong năm 2018 cụ thể:

- Ban Giám đốc đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được ĐHCĐ và HĐQT giao cho;

- Ban Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, tuân thủ các quy chế nội bộ đã được Hội đồng quản trị ban hành trong điều hành sản xuất kinh doanh;

- Tổ chức triển khai thực hiện nội dung nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đến từng các cán bộ quản lý, phòng ban và thực hiện nghiêm túc các quyết định và nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Chủ động thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh Công ty đối với khách hàng;
- Tổ chức, giám sát quá trình sản xuất đảm bảo chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao nguyên liệu trong sản xuất;
- Thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng trên cơ sở đánh giá hiệu quả công việc. Thu nhập của người lao động được nâng cao so với năm 2017. Chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động;
- Ứng dụng Hệ thống quản trị tiên tiến về hoạch định nguồn lực doanh nghiệp, từ đó giúp công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh kịp thời, hiệu quả;
- Đã áp dụng hiệu quả các hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và hệ thống quản lý an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001:2007 trong Công ty;
- Thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị; thực hiện đúng, kịp thời Quy chế về công bố thông tin, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, tham dự các cuộc họp...

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

- Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Ban Giám đốc để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra đồng thời Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát Công ty trong việc sau:
  - + Triển khai hiệu quả việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
  - + Thực hiện hoàn thành các dự án đầu tư đã được phê duyệt hiệu quả, kịp thời, đúng tiến độ;
  - + Tuân thủ điều lệ, quy chế, quy định nội bộ. Chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật của nhà nước về các chế độ chính sách;
  - Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu quản trị, điều lệ Công ty phù hợp quy định pháp luật hiện hành;

- Sử dụng hiệu quả nguồn lực của Công ty để phát triển Công ty bền vững nhằm nâng cao giá trị của Công ty, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và thu nhập của người lao động Công ty hàng năm tăng trưởng.
- Thực hiện việc tái cấu trúc nguồn lực Công ty để phù hợp với từng giai đoạn phát triển.
- Tiếp tục tái đầu tư thiết bị công nghệ mới, đáp ứng nhu cầu phát triển sản phẩm của các công ty sản xuất thuốc lá. Các thiết bị này sẽ được Công ty xem xét và phân kỳ đầu tư nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường.
- Nghiên cứu và triển khai các biện pháp huy động vốn phù hợp với nhu cầu vốn cho mục tiêu phát triển của từng giai đoạn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn.
- Đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới để phù hợp với nhu cầu khách hàng và ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất để nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Nghiên cứu từng bước để mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh dưới các hình thức như liên doanh, hợp tác đầu tư... tại các vùng miền khác nhau để phát triển.
- Đặc biệt thường xuyên chú trọng công tác đào tạo, chuẩn bị nguồn nhân lực để đảm bảo tính kế thừa và phát triển.

## V. Quản trị Công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Ông Hà Quang Hòa	
+ Giới tính :	Nam
+ Ngày tháng năm sinh :	10/03/1976
+ Nơi sinh :	Phú Thọ
+ Quốc tịch :	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn :	Thạc sỹ Kinh tế, Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư Xây dựng
+ Chức vụ công tác tại Công ty :	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty (đảm nhiệm từ ngày 26/04/2018)
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác :	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hòa Việt

+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.
2. Ông Phan Văn Tạo	
+ Giới tính :	Nam
+ Ngày tháng năm sinh :	04/11/1957
+ Nơi sinh :	An Giang
+ Quốc tịch :	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn :	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, cử nhân Kinh tế
+ Chức vụ công tác tại Công ty :	Chủ tịch Hội đồng quản trị (miễn nhiệm từ ngày 26/04/2018).
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác :	Không.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	9.850 CP, chiếm 0,04% vốn điều lệ.
3. Ông Bùi Tấn Hòa	Như trên(Thông tin như phần II.2.a)
4. Ông Cù Mạnh Đạt	
+ Giới tính :	Nam
+ Ngày tháng năm sinh :	21/06/1968
+ Nơi sinh :	Nam Định
+ Quốc tịch :	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn :	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Công nghệ thông tin.
+ Chức vụ công tác tại Công ty :	Ủy viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác :	Không.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	35.918 CP, chiếm 0,14% vốn điều lệ.
5. Ông Huỳnh Nam	
+ Giới tính :	Nam
+ Ngày tháng năm sinh :	07/05/1966
+ Nơi sinh :	Hà Nội
+ Quốc tịch :	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn :	Thạc sĩ QTKD, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật
+ Chức vụ công tác tại Công ty :	Ủy viên Hội đồng quản trị.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác :	Phó Phòng Tổ chức – Nhân sự Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	5.910 CP, chiếm 0,02% vốn điều lệ.
6. Ông Trịnh Xuân Quang	
+ Giới tính :	Nam

+ Ngày tháng năm sinh :	26/03/1960
+ Nơi sinh :	Hà nội
+ Quốc tịch :	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn :	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Cơ khí
+ Chức vụ công tác tại Công ty :	Ủy viên Hội đồng quản trị.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác :	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	5.910 CP, chiếm 0,02% vốn điều lệ.

Ghi chú: Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 26/04/2018 đã bầu Ông Hà Quang Hòa thay thế Ông Phan Văn Tạo vào Hội đồng quản trị Công ty.

**- Cổ phiếu đại diện sở hữu:**

- + Ông Hà Quang Hòa đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 5.503.680 cổ phiếu, chiếm 21% vốn điều lệ.
- + Ông Bùi Tấn Hòa đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 2.620.800 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ.
- + Ông Cù Mạnh Đạt đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 2.620.800 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ.
- + Ông Huỳnh Nam đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 2.620.800 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ.
- + Ông Trịnh Xuân Quang đại diện sở hữu cho Công ty TNHH 1 TV Thuốc Lá Sài Gòn số lượng 1.672.540 cổ phiếu, chiếm 6,38% vốn điều lệ.

**- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:**

- + Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành gồm 03 thành viên : Ông Hà Quang Hòa, Ông Huỳnh Nam và Ông Trịnh Xuân Quang.
- + Thành viên Hội đồng quản trị kiêm điều hành gồm 02 thành viên : Ông Bùi Tấn Hòa và Ông Cù Mạnh Đạt.
- + Thành viên Hội đồng quản trị độc lập : Chưa có.

**b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Gồm 02 tiểu ban:

- Tiểu ban soát xét, đánh giá hệ thống quản trị Công ty
- Tiểu Ban xây dựng chiến lược phát triển Công ty.

**c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị Công ty thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ qui định, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị tổ chức quản lý và giám sát hoạt động của Công ty thông qua các Nghị quyết, Quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp hoặc thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm tập trung chỉ đạo, giám sát và hoàn thành các công việc sau:

- Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;
- Chỉ đạo và giám sát Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- Thông qua các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị về kế hoạch kinh doanh; kế hoạch ngân sách; tài chính; đầu tư; cán bộ quản lý; hệ thống quản trị Công ty;
- Chỉ đạo, giám sát Công ty thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- Chỉ đạo, giám sát Công ty trong việc thực hiện quyền đối với Cổ đông gồm: công bố thông tin cho cổ đông, kịp thời và đúng quy định của pháp luật; thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã tiến hành 10 cuộc họp và ban hành 12 nghị quyết sau:

Stt.	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung
1	113/NQ-CPCL	08/02/2018	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; Thông qua việc đăng ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh; Thông qua việc thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty liên quan đến việc thay

			đổi vốn điều lệ; Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT và Giám đốc triển khai hoàn tất các thủ tục liên quan để thực hiện việc Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu và các thủ tục khác.
2	115/NQ-CPCL	08/02/2018	Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017; Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 1/2018; Thông qua quyết toán chi phí hoạt động thị trường năm 2017; Thông qua quyết toán chi phí thử nghiệm và ứng dụng công nghệ mới năm 2017; Thông qua quyết toán tiền lương Công ty năm 2017; Thông qua quyết toán các khoản mục chi phí quản lý năm 2017; Thông qua việc cử người đại diện phần vốn của Công ty tại VFS; Thông qua báo cáo KSNB Công ty quý 4/2017, kế hoạch KSNB quý 1/2018.
3	194/NQ-CPCL	19/03/2018	Thống nhất thông qua thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018; Thống nhất thông qua dự kiến chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.
4	199/NQ-CPCL	21/03/2018	Thông qua việc phân phối cổ phiếu chưa bán hết trong đợt phát hành chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty
5	215/NQ-CPCL	29/03/2018	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu; Thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ; Thông qua việc đăng ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh; Thông qua việc thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT và Giám đốc triển khai hoàn tất các thủ tục liên quan để thực hiện việc Báo cáo kết



			quả phát hành cổ phiếu và các thủ tục khác.
6	236/NQ-CPCL	02/04/2018	Thông qua kết quả SXKD quý 1/2018(ước thực hiện); Thông qua kế hoạch SXKD quý 2/2018; Thông qua đề xuất việc chọn đơn vị kiểm toán cho Công ty năm 2018; Thông qua đề xuất nhân sự Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát; Thông qua tài liệu trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018; Thông qua báo cáo KSNB Công ty quý 1/2018, kế hoạch KSNB quý 2/2018.
7	305/NQ-CPCL	26/04/2018	Thông qua việc bầu Chủ tịch HĐQT Công ty; Thông qua việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT; Thông qua việc thực hiện thanh toán cổ tức năm 2017.
8	452/NQ-CPCL	11/07/2018	Thông qua kết quả SXKD quý 2/2018; Thông qua kế hoạch SXKD quý 3/2018; Thông qua việc sửa đổi Quy chế tiền lương, tiền thưởng của Công ty; Thông qua việc điều chỉnh đơn giá, tiền lương kế hoạch năm 2018 của Công ty; Thông qua việc trang bị máy móc, thiết bị của Công ty; Thông qua báo cáo chi phí hoạt động thị trường 06 tháng đầu năm 2018; Thông qua báo cáo thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới 06 tháng đầu năm 2018; Thông qua báo cáo KSNB Công ty quý 2/2018, kế hoạch KSNB quý 3/2018.
9	664/NQ-CPCL	29/10/2018	Thông qua việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 cho cổ đông.
10	667/NQ-CPCL	29/10/2018	Thông qua kết quả SXKD quý 3/2018; Thông qua kế hoạch SXKD quý 4/2018; Thông qua việc sửa đổi Quy chế tài chính của Công ty; Thông qua việc sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty; Thông qua việc đầu tư và thanh lý tài sản cố

			định; Thông qua kế hoạch chi phí hoạt động thị trường năm 2018 được điều chỉnh của Công ty; Thông qua báo cáo KSNB Công ty quý 3/2018, kế hoạch KSNB quý 4/2018.
11	753/NQ-CPCL	14/12/2018	Thông qua kế hoạch chi phí quản lý năm 2018 được điều chỉnh của Công ty.
12	786/NQ-CPCL	20/12/2018	Thông qua kế hoạch chi phí hoạt động thị trường năm 2019; Thông qua kế hoạch chi phí thử nghiệm và ứng dụng công nghệ mới năm 2019; Thông qua kế hoạch đơn giá tiền lương Công ty năm 2019; Thông qua kế hoạch SXKD quý 1/2019.

**d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có**

**e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:**

Các tiểu ban của Hội đồng quản trị gồm tiểu ban soát xét đánh giá hệ thống Quản trị Công ty và tiểu ban xây dựng chiến lược tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị tham gia ý kiến đóng góp và triển khai công việc.

**f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.**

Ông Cù Mạnh Đạt.

## 2. Ban Kiểm soát

**a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:**

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Bà Trần Thị Ánh	
+ Giới tính :	Nữ
+ Ngày tháng năm sinh :	05/10/1977
+ Nơi sinh :	Hà Nam
+ Quốc tịch :	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn :	Cử nhân Kinh tế
+ Chức vụ công tác tại Công ty :	Trưởng Ban Kiểm soát (đảm nhiệm từ ngày 26/04/2018)
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác :	Không
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :	0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.

<p>2. Ông Trương Bình An Sơn</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Giới tính :</li><li>+ Ngày tháng năm sinh :</li><li>+ Nơi sinh :</li><li>+ Quốc tịch :</li><li>+ Trình độ chuyên môn :</li> <li>+ Chức vụ công tác tại Công ty :</li> <li>+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác :</li><li>+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :</li></ul>	<p>Nam 02/08/1958 TP. Hồ Chí Minh Việt Nam Cử nhân kinh tế tài chính, Thạc sĩ QTKD Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm từ ngày 26/04/2018) Không 101.597 CP, chiếm 0,39% vốn điều lệ.</p>
<p>3. Nguyễn Thế Long</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Giới tính :</li><li>+ Ngày tháng năm sinh :</li><li>+ Nơi sinh :</li><li>+ Quốc tịch :</li><li>+ Trình độ chuyên môn :</li> <li>+ Chức vụ công tác tại Công ty :</li><li>+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác :</li> <li>+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :</li></ul>	<p>Nam 03/10/1980 Thái Bình Việt Nam Thạc sĩ Kinh doanh và Quản lý, Cử nhân Kinh tế Ủy viên Ban Kiểm soát Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán - Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam. 0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.</p>
<p>4. Đỗ Thu Hà</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Giới tính :</li><li>+ Ngày tháng năm sinh :</li><li>+ Nơi sinh :</li><li>+ Quốc tịch :</li><li>+ Trình độ chuyên môn :</li><li>+ Chức vụ công tác tại Công ty :</li><li>+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác :</li> <li>+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu :</li></ul>	<p>Nữ 07/10/1975 Hà Nội Việt Nam Thạc sĩ Kinh tế, Cử nhân Luật Ủy viên Ban Kiểm soát + Chuyên viên Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam. + Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà. 0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.</p>

Ghi chú: Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 26/04/2018 đã bầu Bà Trần Thị Ánh thay thế Ông Trương Bình An Sơn

vào Ban Kiểm soát Công ty.

**b. Hoạt động của Ban Kiểm soát 2018:**

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý điều hành Công ty, thực hiện các công việc khác theo quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành;
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2018
- Thẩm định báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Cát Lợi năm 2018.
- Kiểm tra việc thực hiện các quy định hiện hành của Nhà nước tại Công ty trong công tác hạch toán kế toán, quản lý tài chính, đầu tư, kiểm kê, chi phí, hợp đồng mua bán nguyên phụ liệu, công nợ;
- Kiểm tra tính tuân thủ các quy định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Công ty.
- Thực hiện chế độ báo cáo quý cho HĐQT Công ty trong đó có phân tích, so sánh và đề nghị một số vấn đề liên quan đến tài chính.
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT Công ty theo thư mời.
- Tham dự các cuộc họp sản xuất trong tháng và các cuộc họp đột xuất khác của Công ty.
- Tham gia ý kiến trong việc lựa chọn Công ty Kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty.
- Trong năm 2018 Ban Kiểm soát Công ty đã thực hiện các cuộc họp trong năm và kiểm tra theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát như sau:
  - ↓ Ngày 26/04/2018 họp Ban Kiểm soát kỳ 1/2018 nội dung bầu bổ sung thay thế thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 5 năm và kế hoạch của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
  - ↓ Ngày 09/05/2018 thông qua điện thoại, thư điện tử Ban Kiểm soát tiến hành họp với mục đích đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh quý I năm 2018; đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát, kiểm điểm của các thành viên Ban Kiểm soát và thông qua kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban Kiểm soát.
  - ↓ Ngày 27 và 28/7/2018, tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện các Hợp đồng mua bán nguyên vật liệu, công cụ lao động, phụ tùng thay thế, tiêu thụ sản phẩm và chi phí 6 tháng đầu năm 2018.
  - ↓ Ngày 28/07/2018 họp Ban Kiểm soát kỳ 2/2018 nội dung triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát 6 tháng cuối năm 2018.

✚ Ngày 04 và 05/12/2018, kiểm tra việc thực hiện theo quy chế tiền lương, tiền thưởng, tình hình công nợ thế chấp, vật tư chậm luân chuyển và chi phí quý 3/2018.

✚ Ngày 05/12/2018 họp Ban Kiểm soát kỳ 3/2018 nội dung soát xét một số quy chế, quy định của Công ty và triển khai giám sát quý 4/2018. Xem xét các vấn đề liên quan đến tính tuân thủ của việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

▫ Ngoài các cuộc họp tại văn phòng Công ty, Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách thường xuyên trao đổi những thông tin qua điện thoại và cập nhật tình hình hoạt động của Công ty thông qua việc nhận báo cáo kết quả kinh doanh tháng, tham dự các cuộc họp sản xuất với Ban Giám đốc và các lãnh đạo phòng ban để nắm sát tình hình hoạt động của Công Ty.

**c. Các hoạt động phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:**

- Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, thể hiện các cuộc họp HĐQT đều mở rộng, có Ban Kiểm soát tham dự. Các Nghị quyết của HĐQT đều được chuyển sang Ban Kiểm soát để Ban Kiểm soát theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và điều hành của Ban Giám đốc.

- Thường xuyên phối hợp cùng với HĐQT, Ban Giám đốc khi triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐQT đến các phòng ban, các cổ đông trong cũng như ngoài Công ty như hoạt động SXKD, lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập, dự kiến chia cổ tức, chuẩn bị tổ chức Đại hội ... để thực hiện tốt Nghị quyết của HĐQT đã đề ra.

- Thường xuyên trao đổi cùng HĐQT, Ban Giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính, cũng như việc tuân thủ Điều lệ, Quy chế trong hoạt động của Công ty.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**

**a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát năm 2018:**

*Đơn vị tính đồng.*

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập sau thuế
1	Hà Quang Hòa	Chủ tịch HĐQT	206.283.400	-	206.283.400
2	Phan Văn Tạo	Chủ tịch HĐQT	70.797.513	205.624.866	276.422.379
3	Bùi Tấn Hòa	Ủy viên, Giám đốc	1.715.707.106	171.356.000	1.887.063.106
4	Trịnh Xuân Quang	Ủy viên	346.628.400	171.356.000	517.984.400
5	Huỳnh Nam	Ủy viên	339.628.400	171.356.000	510.984.400
6	Cù Mạnh Đạt	Ủy viên	793.674.473	171.356.000	965.030.473
	<b>Tổng cộng</b>		<b>3.472.719.292</b>	<b>891.048.866</b>	<b>4.363.768.158</b>
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>					
Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập sau thuế
1	Trần Thị Ánh	Trưởng BKS	796.221.274	-	796.221.274
2	Trương Bình An Sơn	Trưởng BKS	257.390.300	-	257.390.300
3	Nguyễn Thế Long	Ủy viên	217.864.000	-	217.864.000
4	Đỗ Thu Hà	Ủy viên	211.024.000	-	211.024.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.482.499.574</b>	<b>-</b>	<b>1.482.499.574</b>

<b>BAN GIÁM ĐỐC</b>					
<b>Stt</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức Vụ</b>	<b>Lương, thù lao và các lợi ích khác</b>	<b>Thưởng BQL điều hành</b>	<b>Tổng thu nhập sau thuế</b>
1	Bùi Tấn Hòa	Giám đốc	Như trên	Như trên	Như trên
2	Nguyễn Đức Hanh	Phó giám đốc	1.012.062.478	85.678.000	1.097.740.478
3	Nguyễn Hoàng Minh	Phó giám đốc	1.013.064.307	85.678.000	1.098.742.307
<b>Tổng cộng</b>			<b>2.025.126.785</b>	<b>171.356.000</b>	<b>2.196.482.785</b>

**b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có**

**c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**

- Các cổ đông nội bộ không có bất kỳ hợp đồng giao dịch cá nhân nào với Công ty. Chỉ có cổ đông nội bộ là Ông Trịnh Xuân Quang là Phó Giám đốc của Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Sài Gòn, Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Sài Gòn có hợp đồng giao dịch mua hàng của Công ty trị giá phát sinh doanh thu trong năm 2018 là 972.281.842.902 đồng.

**d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:**

- Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị Công ty theo quy định của Nhà nước.

## **VI. Báo cáo tài chính**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Cát Lợi, được lập ngày 18 tháng 03 năm 2019, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

- Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

- Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

- Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

- Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả



hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Đính kèm).**

Trân trọng./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2019

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**

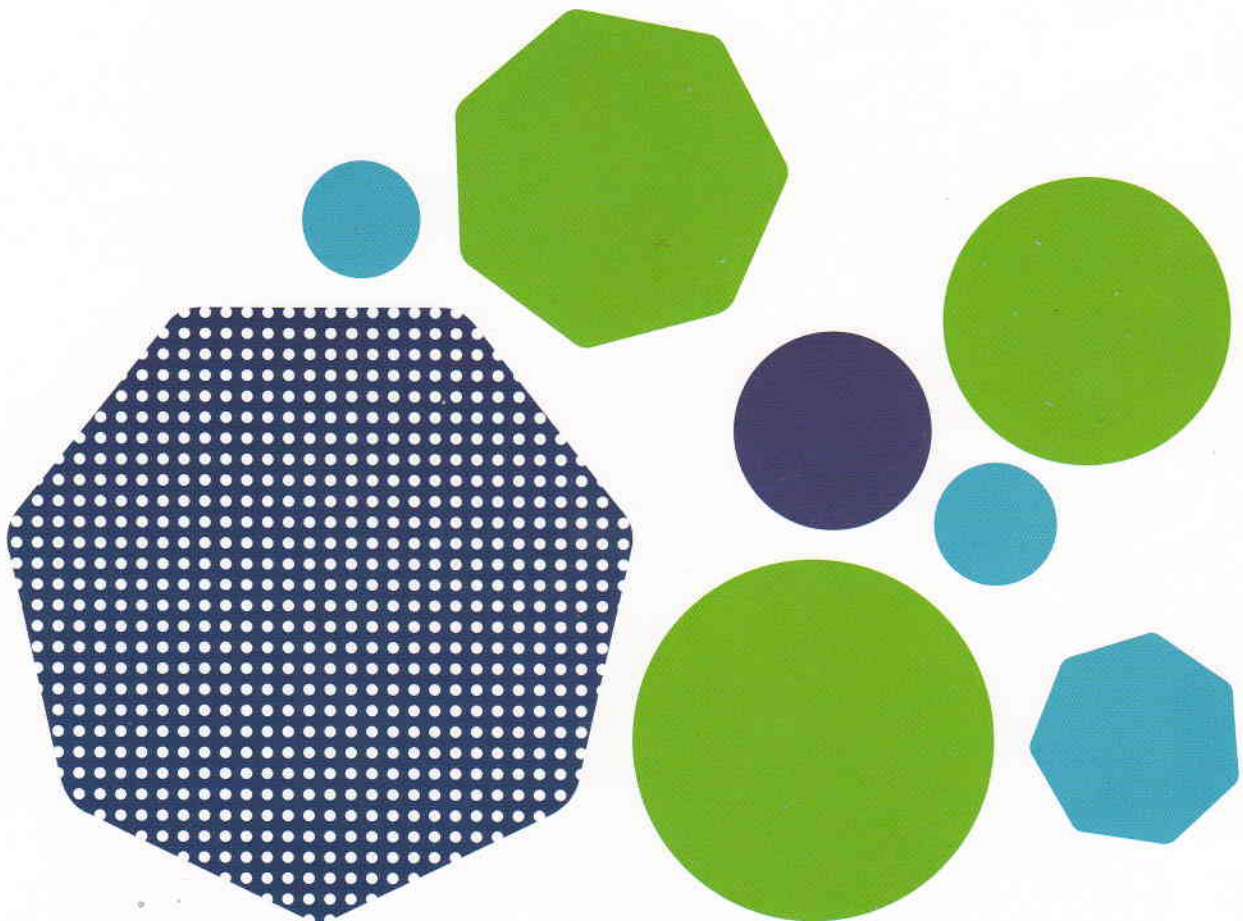


**Hà Quang Hòa**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 46

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP.HCM

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, từ trang 07 đến trang 46 kèm theo.

#### KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp In Bao bì và Phụ liệu Thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp là 0303185504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 9 ngày 13/04/2018 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004).

Trong năm, Công ty đã được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 8 ngày 12/03/2018 về việc tăng vốn điều lệ lên 196.556.680.000 đồng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 9 ngày 13/04/2018 về việc tăng vốn điều lệ lên 262.075.830.000 đồng.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại số 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- In trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ Công nghiệp;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng PO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Hà Quang Hòa	Chủ tịch	Bỏ nhiệm từ 26/04/2018
Ông Phan Văn Tạo	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ 26/04/2018
Ông Bùi Tấn Hòa	Thành viên	
Ông Cù Mạnh Đạt	Thành viên	
Ông Trịnh Xuân Quang	Thành viên	
Ông Huỳnh Nam	Thành viên	

##### Ban Kiểm soát

Ông Trương Bình An Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm từ 26/04/2018
Bà Trần Thị Ánh	Trưởng Ban kiểm soát	Bỏ nhiệm từ 26/04/2018
Bà Đỗ Thu Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Thế Long	Thành viên	

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**Ban Giám đốc**

Ông Bùi Tấn Hòa	Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hanh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Phó Giám đốc

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Tấn Hòa.

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập báo cáo này là Ông Liêu Phước Tính.

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng có hiệu lực từ ngày 01/08/2017 và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Bùi Tân Hòa**

**Giám đốc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2019*

Số. 14 /2019/UHYHCM-BCKTDL

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cát Lợi

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Cát Lợi, được lập ngày 18 tháng 03 năm 2019, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Lê Đức Hạnh**  
**Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 3340-2017-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2019*

**Nguyễn Thị Tuyết Hoa**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 3558-2017-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>944.799.706.027</b>	<b>684.459.979.966</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	110.828.837.465	12.397.857.643
Tiền	111		30.828.837.465	12.397.857.643
Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		382.276.094.544	168.631.132.999
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	371.300.699.671	167.038.130.728
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	10.535.588.340	1.548.950.188
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	439.806.533	44.052.083
Hàng tồn kho	140	9	448.188.157.720	501.598.740.036
Hàng tồn kho	141		448.188.157.720	501.598.740.036
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.506.616.298	1.832.249.288
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	3.447.515.858	95.797.559
Thuế GTGT được khấu trừ	152		59.100.440	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	-	1.736.451.729
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>68.786.266.329</b>	<b>91.227.862.675</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.320.000.000	3.320.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	3.320.000.000	3.320.000.000
Tài sản cố định	220		41.269.269.260	74.467.753.123
Tài sản cố định hữu hình	221	10	35.810.648.710	68.795.588.980
- Nguyên giá	222		597.192.051.454	588.373.663.782
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(561.381.402.744)	(519.578.074.802)
Tài sản cố định vô hình	227	11	5.458.620.550	5.672.164.143
- Nguyên giá	228		17.532.562.299	17.370.929.799
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.073.941.749)	(11.698.765.656)
Tài sản dở dang dài hạn	240		10.796.997.069	40.109.552
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	10.796.997.069	40.109.552
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	13.400.000.000	13.400.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		13.400.000.000	13.400.000.000
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.013.585.972.356</b>	<b>775.687.842.641</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>376.849.828.044</b>	<b>329.657.772.149</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>376.849.828.044</b>	<b>329.657.772.149</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	121.806.214.529	79.698.737.535
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	24.654.494.569	15.433.638.982
Phải trả người lao động	314		15.406.701.243	13.627.638.164
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	242.041.128	173.386.710
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	1.095.232.953	2.042.894.880
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	204.120.301.908	210.177.063.918
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.524.841.714	8.503.411.960
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>636.736.144.312</b>	<b>446.030.070.492</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>636.736.144.312</b>	<b>446.030.070.492</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		262.075.830.000	131.038.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		262.075.830.000	131.038.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		64.847.400.000	(286.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		164.767.001.205	160.834.628.823
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		145.045.913.107	154.443.141.669
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		22.715.579.492	48.202.655.060
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		122.330.333.615	106.240.486.609
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.013.585.972.356</b>	<b>775.687.842.641</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Đức Huy



Lưu Phước Tính



Bùi Tấn Hòa

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	2.070.206.467.310	1.833.515.150.773
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp	10		2.070.206.467.310	1.833.515.150.773
Giá vốn hàng bán	11	23	1.756.711.590.530	1.576.543.222.430
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		313.494.876.780	256.971.928.343
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	4.619.246.435	1.671.730.628
Chi phí tài chính	22	25	26.337.622.238	33.859.017.846
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.699.721.758	14.982.906.778
Chi phí bán hàng	25	26	30.739.742.293	33.379.388.008
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	74.296.829.153	57.732.021.139
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		186.739.929.531	133.673.231.978
Thu nhập khác	31	27	8.181.336.538	1.312.973.519
Chi phí khác	32	28	7.801.293.356	8.025.455
Lợi nhuận khác	40		380.043.182	1.304.948.064
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		187.119.972.713	134.978.180.042
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	38.582.056.098	28.737.693.433
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		148.537.916.615	106.240.486.609
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	5.472	4.903
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	5.472	4.903

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Đức Huy

Liêu Phước Tính



Bùi Tấn Hòa

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>187.119.972.713</b>	<b>134.978.180.042</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		42.353.916.219	42.429.876.446
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(308.371.675)	44.264.177
Lãi/lỗ hoạt động đầu tư	05		(2.724.164.696)	350.672.213
Chi phí lãi vay	06		7.699.721.758	14.982.906.778
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>234.141.074.319</b>	<b>192.785.899.656</b>
Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(211.653.966.420)	3.082.782.156
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		53.410.582.316	(34.774.405.308)
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		48.016.810.560	28.854.322.145
Tăng/giảm chi phí trả trước	12		(3.351.718.299)	(50.822.416)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.631.067.340)	(15.050.631.655)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(34.131.416.515)	(31.722.124.158)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		53.000.000	50.700.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(8.893.214.041)	(11.412.453.538)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>69.960.084.580</b>	<b>131.763.266.882</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(19.912.319.873)	(18.031.996.019)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		7.250.000	453.800.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	5.863.600.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.403.270.860	181.927.787
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(17.501.799.013)</b>	<b>(11.532.668.232)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		130.652.550.000	(286.000.000)
Tiền thu từ đi vay	33		677.611.532.810	1.032.942.978.185
Tiền trả nợ gốc vay	34		(683.668.294.820)	(1.133.894.448.936)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(78.622.749.000)	(26.207.660.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>45.973.038.990</b>	<b>(127.445.130.751)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>98.431.324.557</b>	<b>(7.214.532.101)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>12.397.857.643</b>	<b>19.612.344.505</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(344.735)	45.239
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>110.828.837.465</b>	<b>12.397.857.643</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Đức Huy

Liêu Phước Tính



Bùi Tấn Hòa

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp In Bao bì và Phụ liệu Thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp là 0303185504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 9 ngày 13/04/2018 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004).

Vốn điều lệ của Công ty là 262.075.830.000 đồng chia thành 26.207.583 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam nắm giữ 13.366.080 cổ phần tương ứng 133.660.800.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 12.841.503 cổ phần tương ứng 128.415.030.000 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại số 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 10 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy phép số 64/UBCKGPNT do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mã cổ phiếu là: CLC.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

**1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- In trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ Công nghiệp;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng PO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất bao bì thuốc lá và đầu lọc thuốc lá. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục nhiều lần trong tháng.

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

- Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bao bì thuốc lá và đầu lọc thuốc lá. Theo đó giá thị trường biến động của các sản phẩm trên sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu. Bên cạnh đó, tình hình và số lượng các nhà sản xuất cùng ngành ngày càng gia tăng cũng làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.6 CẤU TRÚC CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty không có các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính là các số liệu trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán. Các số liệu này hoàn toàn có thể so sánh được với số liệu trong báo cáo tài chính này.

**2 KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỶ KẾ TOÁN NĂM**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.2 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ**

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương TP.HCM, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam và Ngân hàng TNHH CTBC.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá ngoại tệ áp dụng khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam. Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền được áp dụng bên Có Tài khoản tiền ngoại tệ và áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế khi phát sinh các nghiệp vụ bên Nợ Tài khoản tiền. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán.

**4.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.4 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công cụ tài chính gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân loại phù hợp với Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn “Áp dụng chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với Công cụ tài chính”.

**Ghi nhận ban đầu**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn khác, các khoản phải thu khách hàng và tài sản tài chính khác.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.4 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Công cụ tài chính phức hợp**

Trong năm 2018, Công ty không có phát sinh cũng như không có số dư cần được trình bày và công bố theo yêu cầu của công cụ tài chính phức hợp.

**4.5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư góp vốn với mục đích nắm giữ lâu dài. Giá phí các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất căn cứ vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

**4.7 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**4.8 LẬP DỰ PHÒNG**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 về Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
- Máy móc, thiết bị	2,5 - 18
- Phương tiện vận tải	3 - 11
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	1,5 - 12

**4.10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty được giao trong thời hạn 50 năm. Quyền sử dụng đất này được trích khấu hao trong 32 năm theo hướng dẫn tại Công văn số 10603 TC/PC ngày 20 tháng 09 năm 2004 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình khác được xác định thời gian khấu hao từ 2 đến 20 năm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

**4.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, sẽ được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.13 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu. Khi nhà đầu tư góp vốn bằng ngoại tệ theo tiến độ, Công ty sẽ áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại từng thời điểm thực góp để quy đổi ra Đồng Việt Nam và ghi nhận vào vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần (nếu có).

Trường hợp nhận vốn góp bằng tài sản thì phản ánh tăng Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng như sau: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi. Còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Vốn khác của Chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (khi các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

**4.14 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.14 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)****Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn:**

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.

**4.15 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**4.16 NGOẠI TỆ**

Công ty áp dụng Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán doanh nghiệp trong đó có quy định chung về tỷ giá hối đoái và chênh lệch tỷ giá hối đoái, hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá và Thông tư 53/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Theo quy định tại các Thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào và bán ra chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính hoặc tỷ giá của Ngân hàng nơi doanh nghiệp giao dịch thường xuyên nhất.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào thu nhập hoặc chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp. Lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá không liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào thu nhập khác hoặc chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.17 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Lợi nhuận được phân phối theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

**4.18 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất phổ thông (20%) tính trên thu nhập chịu thuế theo quy định hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.19 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, các Đơn vị trực thuộc, các Công ty con, các Công ty liên doanh và các Công ty liên kết của Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và các Cổ đông nắm giữ phần vốn góp đáng kể.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	363.549.000	262.175.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.465.288.465	12.135.682.643
Các khoản tương đương tiền	80.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>110.828.837.465</b>	<b>12.397.857.643</b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>371.300.699.671</b>	<b>167.038.130.728</b>
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	5.063.601.535	4.073.550.567
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	84.978.571.186	49.420.964.756
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	216.962.982.938	74.675.039.183
- Các khoản phải thu khách hàng khác	64.295.544.012	38.868.576.222
<b>b. Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết kèm theo thuyết minh số 32)</b>	<b>341.467.626.478</b>	<b>153.025.174.080</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>10.535.588.340</b>	<b>1.548.950.188</b>
- Công ty TNHH Xây lắp Điện Kiến Lập	-	150.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Hiệp Phát	-	171.351.270
- Công ty TNHH SXTM Phan Long	-	216.000.000
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C	-	254.800.000
- Công ty Hauni Maschinenbau GmbH	9.030.592.300	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	1.504.996.040	756.798.918
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***8. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>439.806.533</b>	-	<b>44.052.083</b>	-
- Tạm ứng	97.682.697	-	19.052.083	-
- Ký cược, ký quỹ	27.400.000	-	25.000.000	-
- Lãi dự thu	313.643.836	-	-	-
- Phải thu khác	1.080.000	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>3.320.000.000</b>	-	<b>3.320.000.000</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	3.320.000.000	-	3.320.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.759.806.533</b>	-	<b>3.364.052.083</b>	-

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	64.428.445.821	-	33.819.474.787	-
Nguyên liệu, vật liệu	353.328.061.260	-	412.475.757.970	-
Công cụ, dụng cụ	9.000.000	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.767.564	-	11.151.582	-
Thành phẩm	30.406.883.075	-	55.152.514.193	-
Hàng hóa	-	-	139.841.504	-
<b>Cộng</b>	<b>448.188.157.720</b>	-	<b>501.598.740.036</b>	-



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại 01/01/2018	31.039.544.335	537.558.490.086	13.505.219.423	6.270.409.938	588.373.663.782
- Mua trong năm	-	8.731.582.548	-	262.217.308	8.993.799.856
- Thanh lý, nhượng bán	-	(142.163.184)	-	(33.249.000)	(175.412.184)
Tại 31/12/2018	31.039.544.335	546.147.909.450	13.505.219.423	6.499.378.246	597.192.051.454
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại 01/01/2018	(27.492.508.737)	(477.274.017.225)	(10.271.731.214)	(4.539.817.626)	(519.578.074.802)
- Khấu hao trong năm	(657.878.679)	(38.847.169.847)	(1.626.887.792)	(846.803.808)	(41.978.740.126)
- Thanh lý, nhượng bán	-	142.163.184	-	33.249.000	175.412.184
Tại 31/12/2018	(28.150.387.416)	(515.979.023.888)	(11.898.619.006)	(5.353.372.434)	(561.381.402.744)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2018	3.547.035.598	60.284.472.861	3.233.488.209	1.730.592.312	68.795.588.980
Tại 31/12/2018	2.889.156.919	30.168.885.562	1.606.600.417	1.146.005.812	35.810.648.710

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 289.915.118.640 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2018 là 79.280.837.109 đồng.

Giá trị còn lại tài sản cố định dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2018 là 2.753.299.722 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2018	15.502.607.589	1.868.322.210	17.370.929.799
- Mua trong năm	-	161.632.500	161.632.500
Tại 31/12/2018	<u>15.502.607.589</u>	<u>2.029.954.710</u>	<u>17.532.562.299</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Tại 01/01/2018	(9.842.010.112)	(1.856.755.544)	(11.698.765.656)
- Khấu hao trong năm	(350.140.052)	(25.036.041)	(375.176.093)
Tại 31/12/2018	<u>(10.192.150.164)</u>	<u>(1.881.791.585)</u>	<u>(12.073.941.749)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2018	<u>5.660.597.477</u>	<u>11.566.666</u>	<u>5.672.164.143</u>
Tại 31/12/2018	<u>5.310.457.425</u>	<u>148.163.125</u>	<u>5.458.620.550</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là: 1.868.322.210 đồng.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2018 là: 15.502.607.589 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2018 là: 5.310.457.425 đồng.

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	Tại 31/12/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>		
- Nâng cấp máy ATN 6	-	23.364.098
- Máy đo độ giảm áp và đo chu vi CĐL	300.000	-
- Máy sản xuất CĐL tích hợp than hoạt tính và capsule KDF5	338.582.162	8.372.727
- Máy sản xuất và ghép nối CĐL	10.458.114.907	8.372.727
+ Máy sản xuất CĐL KDF2	10.208.284.213	1.939.204
+ Máy sản xuất và ghép nối CĐL KDF5MF	249.830.694	6.433.523
<b>Cộng</b>	<u>10.796.997.069</u>	<u>40.109.552</u>

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<u>3.447.515.858</u>	<u>95.797.559</u>
- Chi phí thuê máy móc	2.494.444.960	-
- Chi phí khác	953.070.898	95.797.559
<b>Dài hạn</b>	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Tại 31/12/2018			Tại 01/01/2018		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>13.400.000.000</b>	<b>13.400.000.000</b>	-	<b>13.400.000.000</b>	<b>13.400.000.000</b>	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	13.400.000.000	13.400.000.000	-	13.400.000.000	13.400.000.000	-
<i>Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt</i>	<i>13.400.000.000</i>	<i>13.400.000.000</i>	-	<i>13.400.000.000</i>	<i>13.400.000.000</i>	-

Trong năm 2018, Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt phát hành thêm 6.500.000 cổ phiếu cho Cổ đông mới để tăng vốn góp chủ sở hữu lên 200.000.000.000 đồng, làm tỷ lệ góp vốn của khoản đầu tư này giảm từ 9,93% xuống 6,7%. Tại ngày 31/12/2018, Công ty xem xét trích lập dự phòng đầu tư căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>121.806.214.529</b>	<b>121.806.214.529</b>	<b>79.698.737.535</b>	<b>79.698.737.535</b>
- Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	4.391.356.200	4.391.356.200	2.690.758.448	2.690.758.448
- Công ty TNHH Vinatoyo	8.865.792.573	8.865.792.573	6.368.359.481	6.368.359.481
- Công ty TNHH Bao Bì giấy nhôm New Toyo	11.214.551.920	11.214.551.920	10.337.121.851	10.337.121.851
- Công ty British American Tobacco	5.156.711.074	5.156.711.074	-	-
- Công ty Tervakoski Oy	8.536.033.639	8.536.033.639	11.275.994.353	11.275.994.353
- Công ty Nomura Trading	26.806.636.569	26.806.636.569	12.267.610.480	12.267.610.480
- Marubeni Plax Corporation	9.348.200.285	9.348.200.285	6.047.890.357	6.047.890.357
- Công ty Pt. Indah Kiat Pulp	12.218.360.585	12.218.360.585	-	-
- Các khoản phải trả người bán khác	35.268.571.684	35.268.571.684	30.711.002.565	30.711.002.565
<b>b. Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>c. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết kèm theo thuyết minh số 32)</b>	<b>16.147.743.046</b>	<b>16.147.743.046</b>	<b>11.349.233.406</b>	<b>11.349.233.406</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>	<b>15.433.638.982</b>	<b>158.881.580.642</b>	<b>149.660.725.055</b>	<b>24.654.494.569</b>
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	7.652.500.840	42.698.929.968	39.644.413.801	10.707.017.007
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	66.757.953.782	66.757.953.782	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.684.228.225	38.582.056.098	34.131.416.515	12.134.867.808
- Thuế thu nhập cá nhân	96.909.917	10.350.445.036	8.834.920.522	1.612.434.431
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế nhà thầu nước ngoài	-	489.195.758	289.020.435	200.175.323
<b>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</b>	<b>1.736.451.729</b>	<b>23.029.045.846</b>	<b>21.292.594.117</b>	<b>-</b>
- Thuế nhập khẩu	1.736.451.729	23.029.045.846	21.292.594.117	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Tại 31/12/2018		Trong năm		Tại 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>204.120.301.908</b>	<b>204.120.301.908</b>	<b>677.611.532.810</b>	<b>683.668.294.820</b>	<b>210.177.063.918</b>	<b>210.177.063.918</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp Hồ Chí Minh	171.467.208.974	171.467.208.974	394.836.041.019	383.150.159.078	159.781.327.033	159.781.327.033
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Tp. Hồ Chí Minh	-	-	22.244.063.072	22.244.063.072	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Bank - CN Tp. Hồ Chí Minh	-	-	101.046.246.227	125.425.313.211	24.379.066.984	24.379.066.984
- Ngân hàng TNHH CTCB - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	32.653.092.934	32.653.092.934	159.485.182.492	152.848.759.459	26.016.669.901	26.016.669.901
<b>b) Vay dài hạn</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>204.120.301.908</b>	<b>204.120.301.908</b>	<b>677.611.532.810</b>	<b>683.668.294.820</b>	<b>210.177.063.918</b>	<b>210.177.063.918</b>

Các khoản vay ngân hàng theo các hợp đồng hạn mức tín dụng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp là nhà xưởng, dây chuyền máy ATN 9 màu và Quyền sử dụng đất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	242.041.128	173.386.710
<b>Cộng</b>	<b>242.041.128</b>	<b>173.386.710</b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	44.800.020	42.894.880
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.000.000.000	2.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	50.432.933	-
<b>Cộng</b>	<b>1.095.232.953</b>	<b>2.042.894.880</b>

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Tỷ lệ %	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
		VND	VND
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	51,00%	133.660.800.000	66.830.400.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	6,38%	16.725.400.000	8.362.700.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	4,07%	10.676.080.000	5.338.040.000
Cổ đông khác	38,55%	101.013.550.000	50.507.160.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>262.075.830.000</b>	<b>131.038.300.000</b>

**20.2 THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN**

	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
Thặng dư vốn cổ phần	64.847.400.000	(286.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>64.847.400.000</b>	<b>(286.000.000)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.3 CỔ PHIẾU**

	<b>Tại 31/12/2018</b>	<b>Tại 01/01/2018</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.207.583	13.103.830
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.207.583	13.103.830
+ Cổ phiếu phổ thông	26.207.583	13.103.830
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.207.583	13.103.830
+ Cổ phiếu phổ thông	26.207.583	13.103.830
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**20.4 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN**

	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	262.075.830.000	131.038.300.000
+ Vốn góp đầu năm	131.038.300.000	131.038.300.000
+ Vốn góp tăng trong năm	131.037.530.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	262.075.830.000	131.038.300.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	78.622.749.000	26.207.660.000

**20.5 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP**

	<b>Tại 31/12/2018</b>	<b>Tại 01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	164.767.001.205	147.730.798.823
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	13.103.830.000
<b>Cộng</b>	<b>164.767.001.205</b>	<b>160.834.628.823</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

## 20.6 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>131.038.300.000</b>	-	<b>138.523.962.422</b>	<b>109.291.847.982</b>	<b>378.854.110.404</b>
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	106.240.486.609	106.240.486.609
- Phân phối lợi nhuận năm 2016	-	-	22.310.666.401	(61.089.192.922)	(38.778.526.521)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	22.310.666.401	(22.310.666.401)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(11.455.333.201)	(11.455.333.201)
+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(1.115.533.320)	(1.115.533.320)
+ Chia cổ tức còn lại năm 2016 (20%)	-	-	-	(26.207.660.000)	(26.207.660.000)
- Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(286.000.000)	-	-	(286.000.000)
<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>131.038.300.000</b>	<b>(286.000.000)</b>	<b>160.834.628.823</b>	<b>154.443.141.669</b>	<b>446.030.070.492</b>
<b>Tại 01/01/2018</b>	<b>131.038.300.000</b>	<b>(286.000.000)</b>	<b>160.834.628.823</b>	<b>154.443.141.669</b>	<b>446.030.070.492</b>
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	148.537.916.615	148.537.916.615
- Tăng vốn điều lệ (*)	65.518.380.000	-	(17.315.724.940)	(48.202.655.060)	-
- Thu tiền phát hành cổ phiếu (*)	65.519.150.000	65.519.150.000	-	-	131.038.300.000
- Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(385.750.000)	-	-	(385.750.000)
- Phân phối lợi nhuận năm 2017 (**)	-	-	21.248.097.322	(83.524.907.117)	(62.276.809.795)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	21.248.097.322	(21.248.097.322)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(8.799.238.929)	(8.799.238.929)
+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(1.062.404.866)	(1.062.404.866)
+ Chia cổ tức năm 2017 (20%)	-	-	-	(52.415.166.000)	(52.415.166.000)
- Tạm ứng cổ tức năm 2018 (***)	-	-	-	(26.207.583.000)	(26.207.583.000)
<b>Tại 31/12/2018</b>	<b>262.075.830.000</b>	<b>64.847.400.000</b>	<b>164.767.001.205</b>	<b>145.045.913.107</b>	<b>636.736.144.312</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.6 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

(\*) Trong năm 2018, Công ty đã phát hành 13.103.753 cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 678/NQ-CPCL ngày 26/10/2017, Nghị quyết số 113/NQ-CPCL ngày 08/02/2018 về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, Nghị quyết số 215/NQ-CPCL ngày 29/03/2018 về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu. Kết quả của đợt phát hành như sau: phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 6.551.838 cổ phiếu và chào bán 6.551.915 cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với giá bán 20.000 đồng/ cổ phiếu. Ngày hoàn thành đợt chào bán là 28/03/2018. Theo đó, vốn góp của chủ sở hữu của Công ty tăng từ 131.038.300.000 đồng lên 262.075.830.000 đồng.

(\*\*) Phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty số 303/NQ-CPCL ngày 26/04/2018.

(\*\*\*) Tạm chi trả cổ tức đợt 1 năm 2018 theo Nghị quyết 664/NQ-CPCL ngày 29/10/2018, tỷ lệ chi trả là 10% mệnh giá.

**20.7 BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 678/NQ-CPCL ngày 26/10/2017, kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn như sau:

STT	Khoản mục	Giá trị	Thời điểm giải ngân dự kiến
1	Đầu tư tài sản cố định: Mua 02 dây chuyền thiết bị sản xuất cây đầu lọc	90.000.000.000	Năm 2018-2019
2	Trả nợ vay tài chính ngắn hạn	41.038.300.000	Năm 2018
	<b>Tổng</b>	<b>131.038.300.000</b>	

Đến thời điểm 31/12/2018, Công ty đã sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu như sau:

STT	Khoản mục	Theo nghị quyết ĐHCĐ thông qua	Thực tế giải ngân
1.	Đầu tư tài sản cố định: Mua 02 dây chuyền thiết bị sản xuất cây đầu lọc	90.000.000.000	19.920.135.881
2.	Trả nợ vay tài chính ngắn hạn	41.038.300.000	41.038.300.000
	<b>Tổng</b>	<b>131.038.300.000</b>	<b>60.958.435.881</b>

- Đến ngày 31/12/2018, Công ty đã hoàn tất thực hiện khoản mục trả nợ vay ngắn hạn ngân hàng.

- Mục đầu tư TSCĐ: Công ty đã thực hiện một phần tiền ứng trước theo thỏa thuận Hợp đồng mua sắm thiết bị và các chi phí liên quan. Số tiền còn lại chưa thực hiện là 70.079.864.119 đồng sẽ được thanh toán sau khi tiếp nhận và lắp đặt thiết bị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Tại 31/12/2018</u>	<u>Tại 01/01/2018</u>
a) Tài sản thuê ngoài (VND)	-	-
b) Tài sản nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	2.244.111.912	1.367.999.584
c) Ngoại tệ các loại:		
- USD	1.486,28	1.013,74
- EUR	221,79	232,71
- GBP	132,95	139,55
- JPY	29.249,00	30.701,00

**22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.070.206.467.310</b>	<b>1.833.515.150.773</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	2.040.314.735.829	1.816.182.094.082
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	3.507.480.498	498.381.997
Doanh thu gia công, chế biến	2.427.082.080	1.820.880.581
Doanh thu phế liệu thu hồi	23.327.323.643	14.382.489.899
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	629.845.260	631.304.214
<b>b) Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết kèm theo thuyết minh số 32)</b>	<b>1.895.548.623.538</b>	<b>1.696.571.031.968</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của thành phẩm	1.727.559.697.377	1.559.696.405.415
Giá vốn của vật tư, hàng hóa	3.124.835.566	455.515.934
Giá vốn gia công chế biến	2.069.888.684	1.376.790.289
Giá vốn phế liệu thu hồi	23.327.323.643	14.382.489.899
Giá vốn của dịch vụ khác	629.845.260	632.020.893
<b>Cộng</b>	<b>1.756.711.590.530</b>	<b>1.576.543.222.430</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.716.914.696	181.927.787
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.591.345.664	1.489.802.841
Lãi do đánh giá lại số dư cuối năm	308.371.675	-
Doanh thu tài chính khác	2.614.400	-
<b>Cộng</b>	<b>4.619.246.435</b>	<b>1.671.730.628</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	7.699.721.758	14.982.906.778
Chiết khấu thanh toán	16.139.955.114	17.423.110.495
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.497.945.366	422.336.396
Lỗ do đánh giá lại số dư cuối năm	-	44.264.177
Lỗ hoạt động đầu tư tài chính	-	986.400.000
<b>Cộng</b>	<b>26.337.622.238</b>	<b>33.859.017.846</b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<i>Các khoản chi phí bán hàng</i>	<b>30.739.742.293</b>	<b>33.379.388.008</b>
Quảng cáo, tiếp khách	2.877.779.815	7.590.328.469
Cước vận chuyển, bốc xếp	27.516.083.553	25.720.739.382
Chi phí vật liệu bao bì	63.881.118	61.957.505
Chi phí khác bằng tiền	281.997.807	6.362.652
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<b>74.296.829.153</b>	<b>57.732.021.139</b>
Chi phí nhân viên quản lý	47.331.319.500	36.664.970.781
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.436.842.515	2.481.035.431
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.947.192.621	2.831.288.030
Chi phí khác bằng tiền	21.581.474.517	15.754.726.897
<i>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	-	-

**27. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền bồi hoàn sản phẩm hư hỏng	7.678.760.755	62.323.980
Thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	7.250.000	453.800.000
Thu nhập từ phế liệu thu hồi	237.436.363	651.647.728
Thu nhập khác	257.889.420	145.201.811
<b>Cộng</b>	<b>8.181.336.538</b>	<b>1.312.973.519</b>

**28. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí hàng hóa hư hỏng	7.678.760.755	-
Chi phí nộp phạt thuế	122.532.601	-
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	8.025.455
<b>Cộng</b>	<b>7.801.293.356</b>	<b>8.025.455</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>187.119.972.713</b>	<b>134.978.180.042</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	5.790.307.776	8.710.287.124
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	5.790.307.776	8.710.769.889
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	(482.765)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>192.910.280.489</b>	<b>143.688.467.166</b>
Thu nhập không được ưu đãi miễn giảm	192.910.280.489	143.688.467.166
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>38.582.056.098</b>	<b>28.737.693.433</b>

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	148.537.916.615	106.240.486.609
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	148.537.916.615	106.240.486.609
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	(13.668.412.495)	(9.861.643.795)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (Cổ phiếu) (**)	24.645.894	19.655.668
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>5.472</b>	<b>4.903</b>

(\*) Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa trừ phần trích quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích các quỹ này trong năm 2017. Trong năm 2018, căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 303/NQ-CPCL ngày 26/04/2018, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2017 là 9.861.643.795 đồng.

Ngoài ra, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được xác định theo kế hoạch trích lập các quỹ được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 303/NQ-CPCL ngày 26/04/2018.

(\*\*) Số lượng cổ phiếu bình quân đang lưu hành trong năm 2017 được điều chỉnh hồi tố do việc phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 678/NQ-CPCL ngày 26/10/2017.

Theo đó, chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” trong năm 2017 là 4.903 VND/Cổ phiếu (số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán là 8.108 VND/Cổ phiếu).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	148.537.916.615	106.240.486.609
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	148.537.916.615	106.240.486.609
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	(13.668.412.495)	(9.861.643.795)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (Cổ phiếu) (**)	24.645.894	19.655.668
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu dự kiến phát hành thêm (Cổ phiếu)	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b><u>5.472</u></b>	<b><u>4.903</u></b>

(\*) Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa trừ phần trích quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích các quỹ này trong năm 2017. Trong năm 2018, căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 303/NQ-CPCL ngày 26/04/2018, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2017 là 9.861.643.795 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2017 khi tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Ngoài ra, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được xác định theo kế hoạch trích lập các quỹ được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 303/NQ-CPCL ngày 26/04/2018.

(\*\*) Số lượng cổ phiếu bình quân đang lưu hành trong năm 2017 được điều chỉnh hồi tố do việc phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 678/NQ-CPCL ngày 26/10/2017. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh của năm 2017 khi tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Theo đó, chỉ tiêu “Lãi suy giảm trên cổ phiếu” trong năm 2017 là 4.903 VND/Cổ phiếu (số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán là 8.108 VND/Cổ phiếu).

**32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam, các Đơn vị trực thuộc, các Công ty con, các Công ty liên doanh và các Công ty liên kết của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam, cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Doanh thu (chưa VAT) với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ</b>	<b>1.895.548.623.538</b>	<b>1.696.571.031.968</b>
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	34.782.514.089	25.040.261.986
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	17.662.975.578	10.779.647.194
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	39.909.982.605	25.613.768.129
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	19.832.167.886	11.751.508.810
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	38.715.858.812	32.829.253.634
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Hải Phòng	60.322.117.279	58.636.365.551
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	47.846.713.812	44.428.308.053
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	972.281.842.902	891.221.718.863
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	84.800.989.402	60.241.379.982
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	505.141.697.521	466.275.124.407
- Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	8.992.951.570	1.851.040.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đà Nẵng	2.207.723.470	844.682.442
- Công ty TNHH Sản Xuất Kinh Doanh Bao Bì Carton Gấp Nếp Vina Toyo	2.285.572.955	1.885.989.781
- Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	50.176.241.337	52.423.702.716
- Công ty TNHH Liên doanh VINA-BAT	10.589.274.320	12.748.280.420
<b>Mua hàng, dịch vụ (chưa VAT) với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ</b>	<b>568.476.110.855</b>	<b>511.016.525.721</b>
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	1.816.844.234	1.925.683.934
- Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	465.170.220.509	427.825.318.534
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	71.175.000	61.075.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	752.238.980	620.628.860
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	29.940.000	31.000.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Bến Tre	-	124.047.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Bắc Sơn	-	139.841.504
- Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Cửu Long	-	46.593.750
- Công ty TNHH Sản Xuất Kinh Doanh Bao Bì Carton Gấp Nếp Vina Toyo	80.838.263.120	61.907.097.720
- Công ty Thương Mại Miền Nam	19.797.429.012	18.335.239.419
<b>Thu nhập khác từ bên liên quan</b>	<b>7.936.650.175</b>	<b>141.081.432</b>
- Công ty TNHH Sản Xuất Kinh Doanh Bao Bì Carton Gấp Nếp Vina Toyo	257.889.420	141.081.432
- Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	7.678.760.755	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Số dư với các bên liên quan**

	<b>Tại 31/12/2018</b>	<b>Tại 01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>341.467.626.478</b>	<b>153.025.174.080</b>
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	2.752.307.788	2.547.546.071
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	729.358.663	833.791.820
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	5.311.839.454	1.396.995.955
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	3.440.582.013	1.410.474.042
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	6.177.444.697	5.693.333.332
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	5.063.601.535	4.073.550.567
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hoá	6.791.245.350	6.499.183.102
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	84.978.571.186	49.420.964.756
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	216.962.982.938	74.675.039.183
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đà Nẵng	405.938.852	56.128.600
- Công ty TNHH Sản Xuất Kinh Doanh Bao Bì Carton Gấp Nếp Vina Toyo	296.121.073	273.937.611
- Công ty TNHH Liên doanh VINA-BAT	512.128.584	221.140.656
- Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	7.069.387.016	5.923.088.385
- Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	976.117.329	-
<b>Các khoản phải trả</b>	<b>16.147.743.046</b>	<b>11.349.233.406</b>
- Công ty Thương Mại Miền Nam	2.133.915.402	1.841.738.427
- Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	4.391.356.200	2.690.758.448
- Công ty TNHH Sản Xuất Kinh Doanh Bao Bì Carton Gấp Nếp Vina Toyo	8.865.792.573	6.368.359.481
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	756.678.871	448.377.050

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty**

	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám Đốc	8.094.016.752	7.024.894.834
Thù lao của Ban Kiểm Soát	1.686.863.800	1.405.539.778
<b>Cộng</b>	<b>9.780.880.552</b>	<b>8.430.434.612</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**33. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Cây đầu lọc, in nhãn tút, giấy sếp, lưới gà và sản phẩm khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban Giám đốc ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

**Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Cây đầu lọc VND</b>	<b>In nhãn tút VND</b>	<b>Giấy sếp, Lưới gà VND</b>	<b>Sản phẩm khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Năm 2018</b>					
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	1.249.021.651.670	550.247.105.569	241.054.970.590	29.882.739.481	2.070.206.467.310
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.108.971.754.921	517.255.781.914	228.017.626.836	28.841.330.926	1.883.086.494.597
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>140.049.896.749</b>	<b>32.991.323.655</b>	<b>13.037.343.754</b>	<b>1.041.408.555</b>	<b>187.119.972.713</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	580.737.308	8.358.562.548	-	216.132.500	9.155.432.356
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ					1.013.585.972.356
<b>Tổng tài sản</b>					<b>1.013.585.972.356</b>
Nợ phải trả bộ phận					-
Nợ phải trả không phân bổ					376.849.828.044
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>376.849.828.044</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái, Quận 2, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Cây đầu lọc VND</b>	<b>In nhấn tút VND</b>	<b>Giấy sếp, Lưỡi gà VND</b>	<b>Sản phẩm khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Năm 2017</b>					
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	1.138.468.654.751	460.407.037.801	217.306.401.530	17.333.056.691	1.833.515.150.773
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.054.619.161.418	428.986.045.821	199.229.974.971	15.701.788.521	1.698.536.970.731
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>83.849.493.333</b>	<b>31.420.991.980</b>	<b>18.076.426.559</b>	<b>1.631.268.170</b>	<b>134.978.180.042</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	2.301.215.664	2.862.782.194	7.171.236.238	5.693.329.728	18.028.563.824
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ					775.687.842.641
<b>Tổng tài sản</b>					<b>775.687.842.641</b>
Nợ phải trả bộ phận					-
Nợ phải trả không phân bổ					329.657.772.149
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>329.657.772.149</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.4.

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	110.828.837.465	12.397.857.643
Phải thu khách hàng và phải thu khác	374.648.099.671	170.383.130.728
Đầu tư dài hạn	13.400.000.000	13.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>498.876.937.136</b>	<b>196.180.988.371</b>
	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ thuê tài chính	204.120.301.908	210.177.063.918
Phải trả người bán và phải trả khác	122.806.214.529	81.698.737.535
Chi phí phải trả	242.041.128	173.386.710
<b>Cộng</b>	<b>327.168.557.565</b>	<b>292.049.188.163</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**TÀI SẢN ĐẢM BẢO**

***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Trong năm, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

***Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác***

Công ty không nắm giữ tài sản tài chính đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2018.

**QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

**Các yếu tố rủi ro tài chính**

**Tổng quan**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- a. Rủi ro thị trường
- b. Rủi ro tín dụng
- c. Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

**a. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

***(a.1) Rủi ro tiền tệ***

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Giám đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**a. Rủi ro thị trường (tiếp)**

**(a.2) Rủi ro giá**

Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro nếu yếu tố giá bán thay đổi. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa phổ biến.

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Giám đốc quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát và điều hành.

**(a.3) Rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Công ty quản trị rủi ro này bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay có lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**b. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị tổn thất tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công ty không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Công ty.

*Phải thu khách hàng*

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng. Ban Giám đốc đã thiết lập chính sách tín dụng, theo đó, mỗi khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

*Các khoản đầu tư*

Công ty giới hạn mức độ rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có mức độ tín nhiệm cao. Ban Giám đốc chủ động giám sát rủi ro tín dụng và không kỳ vọng các đối tác sẽ không thực hiện được các nghĩa vụ của họ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**b. Rủi ro tín dụng (tiếp)**

*Số dư với ngân hàng*

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi ở các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Giá trị các khoản phải thu khách hàng của Công ty tại ngày 31/12/2018 là 371.300.699.671 đồng. Trong đó giá trị phải thu khách hàng quá hạn tuy nhiên không suy giảm giá trị theo đánh giá của Công ty tại ngày 31/12/2018 chi tiết như sau:

<b>Quá hạn</b>	<b>Tại 31/12/2018 VND</b>	<b>Tại 01/01/2018 VND</b>
Từ 1 đến 30 ngày	117.635.323.257	12.352.630.235
Từ 31 đến 60 ngày	21.553.982.332	-
Từ 61 đến 90 ngày	-	-
Trên 90 ngày	-	-
<b>Cộng</b>	<b>139.189.305.589</b>	<b>12.352.630.235</b>

**c. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Công ty quản lý mức thanh khoản bằng cách đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tại ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán đã được thỏa thuận. Bảng trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**c. Rủi ro thanh khoản (tiếp)**

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 31/12/2018</b>				
Vay và nợ thuê tài chính	204.120.301.908	-	-	204.120.301.908
Phải trả người bán và phải trả khác	122.806.214.529	-	-	122.806.214.529
Chi phí phải trả	242.041.128	-	-	242.041.128
<b>Cộng</b>	<b>327.168.557.565</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>327.168.557.565</b>
<b>Tại 01/01/2018</b>				
Vay và nợ thuê tài chính	210.177.063.918	-	-	210.177.063.918
Phải trả người bán và phải trả khác	81.698.737.535	-	-	81.698.737.535
Chi phí phải trả	173.386.710	-	-	173.386.710
<b>Cộng</b>	<b>292.049.188.163</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>292.049.188.163</b>

Công ty quản lý rủi ro bằng các công cụ là tài sản tài chính hiện tại, cũng như dòng tiền hình thành trong tương lai. Với việc thực hiện kế hoạch kinh doanh như hiện tại Công ty có đủ cơ sở thực hiện kế hoạch tài chính đã đề ra.

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**c. Rủi ro thanh khoản (tiếp)**

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 31/12/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	110.828.837.465	-	-	110.828.837.465
Phải thu khách hàng và phải thu khác	371.328.099.671	3.320.000.000	-	374.648.099.671
Đầu tư dài hạn	-	13.400.000.000	-	13.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>482.156.937.136</b>	<b>16.720.000.000</b>	<b>-</b>	<b>498.876.937.136</b>
<b>Tại 01/01/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.397.857.643	-	-	12.397.857.643
Phải thu khách hàng và phải thu khác	167.063.130.728	3.320.000.000	-	170.383.130.728
Đầu tư dài hạn	-	13.400.000.000	-	13.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>179.460.988.371</b>	<b>16.720.000.000</b>	<b>-</b>	<b>196.180.988.371</b>

**35. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**35.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT**

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**35.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**35.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như không bị buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**36. CÁC THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu so sánh đã được điều chỉnh lại như đã được trình bày trong các Thuyết minh số 30 và 31 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2019*

**Người lập biểu**



**Nguyễn Đức Huy**

**Kế toán trưởng**



**Liêu Phước Tính**



**Giám đốc**

**Bùi Tấn Hòa**

